

Lời cảm ơn

Trước hết em xin bày tỏ tình cảm và lòng biết ơn đối với cô Nguyễn Thị Thanh Thoan – Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, người đã dành cho em rất nhiều thời gian quý báu, trực tiếp hướng dẫn tận tình giúp đỡ, chỉ bảo em trong suốt quá trình làm đồ án tốt nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn tất cả các thầy cô giáo trong khoa Công nghệ Thông tin - Trường ĐHDL Hải Phòng, chân thành cảm ơn các thầy giáo, cô giáo tham gia giảng dạy và truyền đạt những kiến thức quý báu trong suốt thời gian em học tập tại trường, đã đọc và phản biện đồ án của em giúp em hiểu rõ hơn các vấn đề mình nghiên cứu, để em có thể hoàn thành đồ án này.

Em xin cảm ơn GS. TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị Hiệu trưởng Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Ban giám hiệu nhà trường, Bộ môn tin học, các Phòng ban nhà trường đã tạo điều kiện tốt nhất trong suốt thời gian học tập và làm tốt nghiệp. Tuy có nhiều cố gắng trong quá trình học tập, trong thời gian thực tập cũng như trong quá trình làm đồ án nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong được sự góp ý quý báu của tất cả các thầy giáo, cô giáo cũng như tất cả các bạn để kết quả của em được hoàn thiện hơn

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 2 tháng 12 năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Văn Anh

Mở đầu

Với sự tăng trưởng ngày càng mạnh mẽ của CNTT. Người sử dụng máy tính, được trang bị phần cứng nhanh hơn và băng thông mạng tốt hơn, cũng thường xuyên đặt ra những yêu cầu phức tạp. Phần mềm hiện đại không phải chỉ là dễ sử dụng được, mà còn phải bắt mắt và giàu khả năng tương tác.

Visual Basic là một ngôn ngữ lập trình hướng sự kiện và môi trường phát triển tích hợp kết bó được phát triển đầu tiên bởi Alan Cooper dưới tên Dự án Ruby, và sau đó được Microsoft mua và cải tiến nhiều. Visual Basic đã được thay thế bằng Visual Basic.NET. Phiên bản cũ của Visual Basic bắt nguồn phần lớn từ BASIC và để lập trình viên phát triển các giao diện người dùng đồ họa theo mô hình phát triển ứng dụng nhanh, truy cập các cơ sở dữ liệu dùng DAO, RDO, hay ADO, và lập các điều khiển và đối tượng ActiveX. Một lập trình viên có thể phát triển ứng dụng dùng các thành phần có sẵn trong Visual Basic. Các chương trình bằng Visual Basic cũng có thể sử dụng Windows API, nhưng làm vậy thì phải sử dụng các khai báo hàm bên ngoài. Trong lĩnh vực lập trình thương mại, Visual Basic có một trong những nhóm khách hàng lớn nhất. Theo một số nguồn, vào năm 2003, 52% của những lập trình viên sử dụng Visual Basic, làm nó thành ngôn ngữ lập trình phổ biến nhất vào lúc đó. Tuy nhiên, cuộc nghiên cứu của Evans Data cho rằng 43% của các lập trình viên đó có ý định đổi qua một ngôn ngữ khác. Microsoft Visual Studio là một môi trường phát triển tích hợp (IDE) từ Microsoft. Nó được sử dụng để phát triển chương trình máy tính cho Microsoft Windows, cũng như các trang web, các ứng dụng web và các dịch vụ web. Visual Studio sử dụng nền tảng phát triển phần mềm của Microsoft như Windows API, Windows Forms, Windows Presentation Foundation, Windows Store và Microsoft Silverlight. Nó có thể sản xuất cả hai ngôn ngữ máy và mã số quản lý. Visual Studio bao gồm một trình soạn thảo mã hỗ trợ IntelliSense cũng như cải tiến mã nguồn. Trình gỡ lỗi tích hợp hoạt động cả về trình gỡ lỗi mức độ mã nguồn và gỡ lỗi mức độ máy. Công cụ tích hợp khác bao gồm một mẫu thiết kế các hình thức xây dựng giao diện ứng dụng, thiết kế web, thiết kế lớp và thiết kế giản đồ cơ sở dữ liệu. Nó chấp nhận các plug-in nâng cao các chức năng ở hầu hết các cấp bao gồm thêm hỗ trợ cho các hệ thống quản lý phiên bản (như Subversion) và bổ sung thêm bộ công cụ mới như biên tập và thiết kế trực quan cho các miền ngôn ngữ cụ thể hoặc bộ công cụ dành cho các khía cạnh khác trong quy trình phát triển phần mềm. Visual Studio hỗ trợ nhiều ngôn ngữ lập trình khác nhau và cho phép trình biên tập mã và gỡ lỗi để hỗ trợ (mức độ khác nhau) hầu như mọi ngôn ngữ lập trình.

Chính vì những lý do trên, em đã chọn đề tài: “XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ GIÁO VIÊN TRƯỜNG MẦM NON QUẢN TOÁN”. Đồ án bao gồm 4 chương:

- **Chương 1:** Phân tích thiết kế hướng hệ thống hướng cấu trúc và tìm hiểu về VB.net
- **Chương 2:** Khảo sát tìm hiểu nghiệp vụ bài toán, phát biểu bài toán
- **Chương 3:** Phân tích thiết kế hệ thống
- **Chương 4 :** Chương trình thực nghiệm

MỤC LỤC

Lời cảm ơn	1
Mở Đầu.....	Error! Bookmark not defined.
Chương 1: TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ THUYẾT	6
1.1. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG HƯỚNG CẤU TRÚC	6
1.1.1. Khái niệm về hệ thống thông tin	6
1.1.2. Tiếp cận phát triển hệ thống thông tin định hướng cấu trúc	8
1.1.3. Cơ sở dữ liệu quan hệ	9
1.1.4. Mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ	12
1.2. HỆ QUẢN TRỊ CSDL SQL SERVER 2008.....	13
1.2.1. Giới thiệu	13
1.2.1. Nền tảng cho các nhiệm vụ then chốt.....	15
1.2.2. Nền tảng tin cậy cho dữ liệu của bạn	15
1.2.3. Quản lý dựa trên chính sách sản xuất.....	15
1.2.4. Thực thi tối ưu và khả năng dự báo	16
1.2.5. Phát triển động.....	17
1.2.6. Thúc đẩy quá trình phát triển	17
1.2.7. Lưu trữ các kiểu dữ liệu.....	17
1.2.8. Thông tin toàn doanh nghiệp	19
1.2.9. Việc lưu trữ dữ liệu thế hệ kế tiếp.....	19
CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG VÀ PHÁT BIỂU BÀI TOÁN	21
2.1. Khái quát về trường mầm non Quán Toan.....	21
2.2. Hiện trạng ứng dụng tin học tại cơ sở	25
2.3. Mô tả Bài Toán	25
2.4. Các biểu đồ hoạt động.....	32
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG.....	37
3.1. Biểu đồ ngữ cảnh.	37
3.2. Biểu đồ phân rã chức năng.	38
3.3. Mô tả chi tiết chức năng lá.....	40
3.4. Ma Trận thực thể chức năng.	42
3.6. Thiết kế cơ sở dữ liệu	51
3.7. Chuyển từ mô hình ER sang mô hình quan hệ	53
Chương 4: CHƯƠNG TRÌNH THỰC NGHIỆM	57
4.1. Giới thiệu VB	57

4.2,Một số giao diện nhập dữ liệu.....	58
4.3,Một số giao diện tra cứu.....	64
4.4,Một số giao diện thông kê báo cáo.	66
KẾT LUẬN	68
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	70

Chương 1: TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ THUYẾT

1.1. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG HƯỚNG CẤU TRÚC

1.1.1. Khái niệm về hệ thống thông tin

Hệ thống

Là một tập hợp các thành phần có mối liên kết với nhau nhằm thực hiện một chức năng nào đó.

Các tính chất cơ bản của hệ thống

- Tính nhất thể: Phạm vi và quy mô hệ thống được xác định như một thể thống nhất không thể thay đổi trong những điều kiện xác định. Khi đó nó tạo ra đặt tính chung để đạt mục tiêu hay chức năng hoàn toàn xác định mà từng phần tử, từng bộ phận của nó đều lập thành hệ thống và mỗi hệ thống được hình thành đều có mục tiêu nhất định tương ứng.
- Tính tổ chức có thứ bậc: Hệ thống lớn có các hệ thống con, hệ thống con này lại có hệ thống con nữa.
- Tính cấu trúc: Xác định đặc tính, cơ chế vận hành, quyết định mục tiêu mà hệ thống đạt tới. Tính cấu trúc thể hiện mối quan hệ giữa các thành phần trong hệ thống.
- Hệ thống có thể có cấu trúc:
 - Cấu trúc yếu: Các thành phần trong hệ thống có quan hệ lỏng lẻo, dễ thay đổi.
 - Cấu trúc chặt chẽ: Các thành phần trong hệ thống có quan hệ chặt chẽ, rõ ràng, khó thay đổi.
 - Sự thay đổi cấu trúc có thể dẫn đến phá vỡ hệ thống cũ và cũng có thể tạo ra hệ thống mới với đặc tính mới.

Phân loại hệ thống

- Theo nguyên nhân xuất hiện ta có
 - Hệ tự nhiên (có sẵn trong tự nhiên) và hệ nhân tạo (do con người tạo ra)
- Theo quan hệ với môi trường
 - Hệ đóng (không có trao đổi với môi trường) và hệ mở (có trao đổi với môi trường)

- Theo mức độ cấu trúc
 - Hệ đơn giản là hệ có thể biết được cấu trúc
 - Hệ phức tạp là hệ khó biết đầy đủ cấu trúc của hệ thống
- Theo quy mô
 - Hệ nhỏ (hệ vi mô) và hệ lớn (hệ vĩ mô)
- Theo sự thay đổi trạng thái trong không gian
 - Hệ thống động có vị trí thay đổi trong không gian
 - Hệ thống tĩnh có vị trí không thay đổi trong không gian
- Theo đặc tính duy trì trạng thái
 - Hệ thống ổn định luôn có một số trạng thái nhất định dù có những tác động nhất định.
 - Hệ thống không ổn định luôn thay đổi.

Mục tiêu nghiên cứu hệ thống

- Để hiểu biết rõ hơn về hệ thống.
- Để có thể tác động lên hệ thống một cách có hiệu quả.
- Để hoàn thiện hệ thống hay thiết kế những hệ thống mới.

Hệ thống thông tin

- Khái niệm:

Gồm các thành phần: phần cứng (máy tính, máy in,...), phần mềm (hệ điều hành, chương trình ứng dụng,...), người sử dụng, dữ liệu, các quy trình thực hiện các thủ tục.

Các mối liên kết: liên kết vật lý, liên kết logic.

- Chức năng: dùng để thu thập, lưu trữ, xử lý, trình diễn, phân phối và truyền các thông tin đi.
- Phân loại hệ thống thông tin
 - Phân loại theo chức năng nghiệp vụ
 - Tự động hóa văn phòng
 - Hệ truyền thông
 - Hệ thống thông tin xử lý giao dịch
 - Hệ cung cấp thông tin

- Hệ thống thông tin quản lý MIS
- Hệ chuyên gia ES
- Hệ trợ giúp quyết định DSS
- Hệ trợ giúp làm việc theo nhóm
- Phân loại theo quy mô
 - Hệ thông tin cá nhân
 - Hệ thông tin làm việc theo nhóm
 - Hệ thông tin doanh nghiệp.
 - Hệ thống thông tin tích hợp
- Phân loại theo đặc tính kỹ thuật
 - Hệ thống thời gian thực và hệ thống nhúng

1.1.2. Tiếp cận phát triển hệ thống thông tin định hướng cấu trúc

- Tiếp cận định hướng cấu trúc hướng vào việc cải tiến cấu trúc các chương trình dựa trên cơ sở modul hóa các chương trình để dễ theo dõi, dễ quản lý, bảo trì.
- Đặc tính cấu trúc của một hệ thống thông tin hướng cấu trúc được thể hiện trên ba cấu trúc chính:
- Cấu trúc dữ liệu (mô hình quan hệ).
- Cấu trúc hệ thống chương trình (cấu trúc phân cấp điều khiển các mô đun và phân chung).
- Cấu trúc chương trình và mô đun (cấu trúc một chương trình và ba cấu trúc lập trình cơ bản).
- Phát triển hướng cấu trúc mang lại nhiều lợi ích:
 - Giảm sự phức tạp: theo phương pháp từ trên xuống, việc chia nhỏ các vấn đề lớn và phức tạp thành những phần nhỏ hơn để quản lý và giải quyết một cách dễ dàng.
 - Tập chung vào ý tưởng: cho phép nhà thiết kế tập trung mô hình ý tưởng của hệ thống thông tin.

- Chuẩn hóa: các định nghĩa, công cụ và cách tiếp cận chuẩn mực cho phép nhà thiết kế làm việc tách biệt, và đồng thời với các hệ thống con khác nhau mà không cần liên kết với nhau vẫn đảm bảo sự thống nhất trong dự án.
- Hướng về tương lai: tập trung vào việc đặc tả một hệ thống đầy đủ, hoàn thiện, và mô đun hóa cho phép thay đổi, bảo trì dễ dàng khi hệ thống đi vào hoạt động.
- Giảm bớt tính nghệ thuật trong thiết kế: buộc các nhà thiết kế phải tuân thủ các quy tắc và nguyên tắc phát triển đối với nhiệm vụ phát triển, giảm sự ngẫu hứng quá đáng.

1.1.3. Cơ sở dữ liệu quan hệ

1.1.3.1. Mô hình liên kết thực thể E-R

Định nghĩa: Mô hình liên kết thực thể E-R là một mô tả logic chi tiết dữ liệu của một tổ chức hay một lĩnh vực nghiệp vụ.

- Mô hình E-R diễn tả bằng các thuật ngữ của các thực thể trong môi trường nghiệp vụ, các thuộc tính của thực thể và mối quan hệ giữa các thực thể đó.
- Mô hình E-R mang tính trực quan cao, có khả năng mô tả thế giới thực tốt với các khái niệm và kí pháp sử dụng là ít nhất. Là phương tiện quan trọng hữu hiệu để các nhà phân tích giao tiếp với người sử dụng

Các thành phần cơ bản của mô hình E-R

Mô hình E-R có các thành phần cơ bản sau:

- Các thực thể, kiểu thực thể.
- Các mối quan hệ
- Các thuộc tính của kiểu thực thể và mối quan hệ
- Các đường liên kết

Các khái niệm và kí pháp

Kiểu thực thể: Là một khái niệm để chỉ một lớp các đối tượng cụ thể hay các khái niệm có cùng những đặc trưng chung mà ta quan tâm.

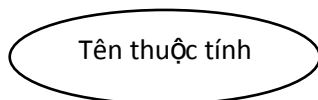
Mỗi kiểu thực thể được gán một tên đặc trưng cho một lớp các đối tượng, tên này được viết hoa.

Kí hiệu

Tên thực thể

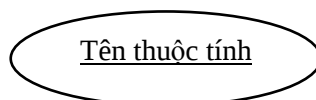
Thuộc tính: Là các đặc trưng của kiểu thực thể, mỗi kiểu thực thể có một tập các thuộc tính gắn kết với nhau. Mỗi kiểu thực thể phải có ít nhất một thuộc tính.

Kí hiệu



Các thuộc tính của thực thể phân làm bốn loại: Thuộc tính tên gọi, thuộc tính định danh, thuộc tính mô tả, thuộc tính đa trị.

- Thuộc tính tên gọi: là thuộc tính mà mỗi giá trị cụ thể của một thực thể cho ta một tên gọi của một bản thể thuộc thực thể đó, do đó mà ta nhận biết được bản thể đó.
- Thuộc tính định danh (khóa): là một hay một số thuộc tính của kiểu thực thể mà giá trị của nó cho phép ta phân biệt được các thực thể khác nhau của một kiểu thực thể.
 - Thuộc tính định danh có sẵn hoặc ta thêm vào để thực hiện chức năng trên, hoặc có nhiều thuộc tính nhóm lại làm thuộc tính định danh.
 - Kí hiệu bằng hình elip bên trong là tên thuộc tính định danh có gạch chân.



- Cách chọn thuộc tính định danh:

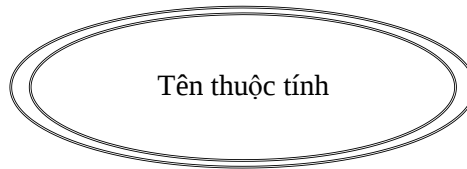
Giá trị thuộc tính định danh khác rỗng, nếu định danh là kết hợp của nhiều thuộc tính thì phải đảm bảo mọi thành phần của nó khác rỗng. Nên sử dụng định danh ít thuộc tính, nên thay định danh hợp thành từ một vài thuộc tính bằng định danh chỉ một thuộc tính.

Chọn định danh sao cho nó không thay đổi trong suốt vòng đời của mỗi thực thể

- Thuộc tính mô tả: các thuộc tính của thực thể không phải là định danh, không phải là tên gọi được gọi là thuộc tính mô tả. Nhờ thuộc tính này mà ta biết đầy đủ hơn về các bản thể của thực thể. Một thực thể có nhiều hoặc không có một thuộc tính mô tả nào.

- Thuộc tính đa trị (thuộc tính lặp): là thuộc tính có thể nhận được nhiều hơn một giá trị đối với mỗi bản thể.

Kí hiệu: mô tả bằng hình elip kép với tên thuộc tính bên trong



Mối quan hệ: Các mối quan hệ gắn kết các thực thể trong mô hình E-R. Một mối quan hệ có thể kết nối giữa một thực thể với một hoặc nhiều thực thể khác. Nó phản ánh sự kiện vốn tồn tại trong thực tế.

Kí hiệu mối quan hệ được mô tả bằng hình thoi với tên bên trong

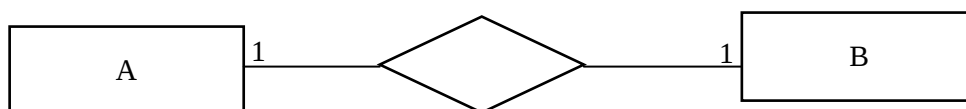
Mối quan hệ giữa các thực thể có thể là sở hữu hay phụ thuộc (có, thuộc, là) hoặc mô tả sự tương tác giữa chúng. Tên của mối quan hệ là một động từ, cụm danh động từ nhằm thể hiện ý nghĩa bản chất của mối quan hệ.

Mối quan hệ có các thuộc tính. Thuộc tính là đặc trưng của mối quan hệ khi gắn kết giữa các thực thể.

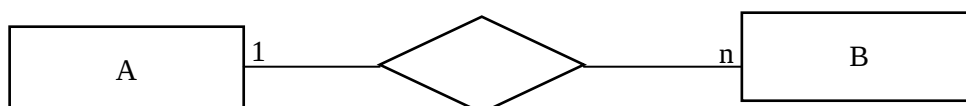
Lực lượng của mối quan hệ giữa các thực thể thể hiện qua số thực thể tham gia vào mối quan hệ và số lượng các bản thể của thực thể tham gia vào một quan hệ cụ thể

Kiểu quan hệ:

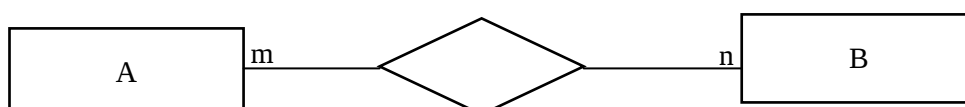
Quan hệ 1-1: Một phần tử của thực thể A liên kết với không quá một phần tử của thực thể B.



Quan hệ 1-nhiều: Một phần tử của thực thể A có thể kết hợp với n phần tử của thực thể B và ngược lại một phần tử của B chỉ kết hợp duy nhất với một phần tử của A



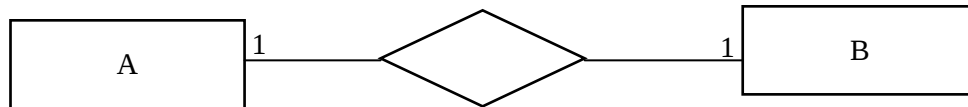
Quan hệ nhiều – nhiều: Một phần tử của thực thể A có thể kết hợp với n phần tử của thực thể B và ngược lại một phần tử của B chỉ kết hợp với m phần tử của A



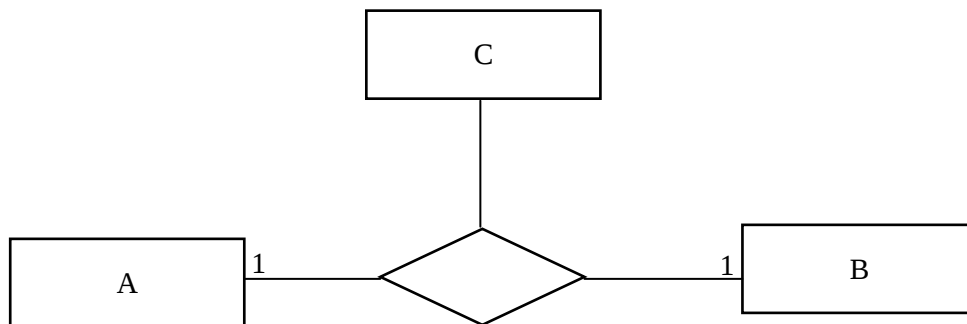
Bậc của mỗi quan hệ:

Mỗi quan hệ bậc một hay liên kết cấp 1 là mỗi quan hệ đệ quy mà một thực thể quan hệ với nhau

Mỗi quan hệ bậc hai là mỗi quan hệ giữa hai bản thể của hai thực thể khác nhau



Mỗi quan hệ bậc ba



1.1.4 Mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ

CSDL là tập các dữ liệu (DL) có cấu trúc cho nên CSDL quan hệ là CSDL nhưng phải có các đặc trưng sau:

- Một quan hệ là một quan hệ 2 chiều bao gồm các cột và các hàng của các thành phần DL.
- Mỗi bảng (Table) là một quan hệ. Và tên mỗi bảng phải là duy nhất, một bảng bao gồm 1 hay nhiều cột (Đây là số trường - field). Số cột có trong bảng chính là số trường quan hệ.
- Mỗi bảng bao gồm không hoặc nhiều dòng (Số bản ghi - record). Đây chính là các bản ghi của quan hệ

1.2. HỆ QUẢN TRỊ CSDL SQL SERVER 2008

1.2.1. Giới thiệu

SQL Server 2008 là một hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu (Relational Database Management System (RDBMS)) sử dụng Transact-SQL để trao đổi dữ liệu giữa Client computer và SQL Server computer. Một RDBMS bao gồm databases, database engine và các ứng dụng dùng để quản lý dữ liệu và các bộ phận khác nhau trong RDBMS.

SQL Server 2008 được tối ưu để có thể chạy trên môi trường cơ sở dữ liệu rất lớn (Very Large Database Environment) lên đến Tera-Byte và có thể phục vụ cùng lúc cho hàng ngàn user. SQL Server 2008 có thể kết hợp "ăn ý" với các server khác như Microsoft Internet Information Server (IIS), E-Commerce Server, Proxy Server....

Các phiên bản của SQL Server 2008

- Enterprise : Chứa đầy đủ các đặc trưng của SQL Server và có thể chạy tốt trên hệ thống lên đến 32 CPUs và 64 GB RAM. Thêm vào đó nó có các dịch vụ giúp cho việc phân tích dữ liệu rất hiệu quả (Analysis Services)
- Standard : Rất thích hợp cho các công ty vừa và nhỏ vì

TÊN THỰC THỂ

 thành rẻ hơn nhiều so với Enterprise Edition, nhưng lại bị giới hạn một số chức năng cao cấp (advanced features) khác, edition này có thể chạy tốt trên hệ thống lên đến 4 CPU và 2 GB RAM.
- Web: là một lựa chọn cho web hosting để giảm chi phí tổng thể của chủ sở hữu (TCO)

TÊN THỰC THỂ

- Developer : Có đầy đủ các tính năng của Enterprise Edition nhưng được chế tạo đặc biệt như giới hạn số lượng người kết nối vào Server cùng một lúc
- Workgroup: Tương tự bản Standard nhưng chỉ hỗ trợ 2 CPU và tối đa 3GB RAM
- Express: Bản miễn phí, hỗ trợ tối đa 1CPU, 1GB RAM và kích thước Database giới hạn trong 4GB.

SQL Server 2008 giới thiệu 4 lĩnh vực chính trong toàn cảnh nền tảng dữ liệu của Microsoft:

- **Nền tảng cho các nhiệm vụ then chốt** - SQL Server 2008 cho phép các tổ chức có thể chạy hầu hết các ứng dụng phức tạp của họ trên một nền tảng an toàn, tin cậy và có khả năng mở rộng, bên cạnh đó còn giảm được sự phức tạp trong việc quản lý cơ sở hạ tầng dữ liệu. SQL Server 2008 cung cấp một nền tảng tin cậy và an toàn bằng cách bảo đảm những thông tin có giá trị trong các ứng dụng đang tồn tại và nâng cao khả năng sẵn có của dữ liệu. SQL Server 2008 giới thiệu một cơ chế quản lý cách tân dựa trên chính sách, cơ chế này cho phép các chính sách có thể được định nghĩa quản trị tự động cho các thực thể máy chủ trên một hoặc nhiều máy chủ. Thêm vào đó, SQL Server 2008 cho phép thi hành truy vấn dự báo với một nền tảng tối ưu.
- **Sự phát triển động** - SQL Server 2008 cùng với .NET Framework đã giảm được sự phức tạp trong việc phát triển các ứng dụng mới. ADO.NET Entity Framework cho phép các chuyên gia phát triển phần mềm có thể nâng cao năng suất bằng làm việc với các thực thể dữ liệu logic đáp ứng được các yêu cầu của doanh nghiệp thay vì lập trình trực tiếp với các bảng và cột. Các mở rộng của ngôn ngữ truy vấn tích hợp (LINQ) mới trong .NET Framework đã cách mạng hóa cách các chuyên gia phát triển truy vấn dữ liệu bằng việc mở rộng Visual C#® và Visual Basic® .NET để hỗ trợ cú pháp truy vấn giống SQL vốn đã có. Hỗ trợ cho các hệ thống kết nối cho phép chuyên gia phát triển xây dựng các ứng dụng cho phép người dùng mang dữ liệu cùng với ứng dụng này vào các thiết bị và sau đó đồng bộ dữ liệu của chúng với máy chủ trung tâm.
- **Dữ liệu quan hệ mở rộng** - SQL Server 2008 cho phép các chuyên gia phát triển khai thác triệt để và quản lý bất kỳ kiểu dữ liệu nào từ các kiểu dữ liệu truyền thống đến dữ liệu không gian địa lý mới.
- **Thông tin trong toàn bộ doanh nghiệp** - SQL Server 2008 cung cấp một cơ sở hạ tầng có thể mở rộng, cho phép quản lý các báo cáo, phân tích với bất kỳ kích thước và sự phức tạp nào, bên cạnh đó nó cho phép người dùng dễ dàng hơn trong việc truy cập thông tin thông qua sự tích hợp sâu hơn với Microsoft Office. Điều này cho phép CNTT đưa được thông tin của doanh nghiệp rộng khắp trong tổ chức. SQL Server 2008 tạo những bước đi tuyệt vời trong việc lưu trữ dữ liệu, cho phép người dùng hợp nhất các trung tâm dữ liệu vào một nơi lưu trữ dữ liệu tập trung của toàn doanh nghiệp.

1.2.1. Nền tảng cho các nhiệm vụ then chốt

Trong một thế giới dữ liệu ngày nay, dữ liệu và các hệ thống quản lý dữ liệu đó cần phải luôn luôn được bảo đảm và ở trạng thái có sẵn. SQL Server 2008 cho phép CNTT giảm được sự phức tạp của cơ sở hạ tầng trong khi đó vẫn bảo đảm cung cấp một nền tảng dữ liệu doanh nghiệp có khả năng bảo mật, khả năng mở rộng và quản lý tốt hơn, cùng với thời gian chết của ứng dụng giảm.

1.2.2. Nền tảng tin cậy cho dữ liệu của bạn

Được xây dựng có kế thừa những điểm mạnh có trong SQL Server 2005, SQL Server 2008 mở rộng tính năng bảo mật và khả năng có sẵn với những nâng cao dưới đây.

- Mã hóa dữ liệu trong suốt
- Quản lý khóa mở rộng
- Hot Add CPU

1.2.3. Quản lý dựa trên chính sách sản xuất

Như một phần của cố gắng được thực hiện bởi Microsoft trong việc giảm chi phí tổng thể của chủ sở hữu (TCO), SQL Server 2008 giới thiệu Declarative Management Framework, một cơ chế quản lý mới dựa trên chính sách cho SQL Server Database Engine. Declarative Management mang đến cho các bạn những lợi ích dưới đây:

- Bảo đảm sự thi hành các chính sách cho cấu hình hệ thống
- Kiểm tra và ngăn chặn những thay đổi đối với hệ thống bằng việc thẩm định các chính sách đối với cấu hình
- Giảm chi phí tổng thể cho chủ sở hữu bằng cách đơn giản hóa các nhiệm vụ quản trị
- Phát hiện các vấn đề thi hành trong SQL Server Management Studio

Declarative Management Framework

Declarative Management Framework (DMF) là một hệ thống dựa trên chính sách cho việc quản lý một hoặc nhiều trường hợp trong SQL Server 2008. Để sử dụng DMF, các quản trị viên chính sách SQL Server sử dụng SQL Server Management Studio để tạo chính sách quản lý các thực thể trên máy chủ, như trường hợp trong SQL Server, các cơ sở dữ liệu và đối tượng SQL Server khác. Declarative Management

Framework gồm có ba thành phần: quản lý chính sách, quản trị viên chính sách - người tạo chính sách và quản trị viên thực thụ. Các quản trị viên chọn một hoặc nhiều mục tiêu đã có và kiểm tra các mục tiêu đó có tuân theo chính sách nào đó không hoặc ép buộc các mục tiêu đó với một chính sách nào đó.

Quản trị tự động

- Các quản trị viên chính sách có thể thi hành chính sách tự động bằng sử dụng một trong những chế độ thi hành dưới đây:
- Ép buộc - sử dụng các kích hoạt DDL để ngăn chặn các xâm phạm chính sách
- Kiểm tra thay đổi - sử dụng thông báo sự kiện để thi hành một chính sách khi có một thay đổi xuất hiện
- Kiểm tra bằng lịch biểu - sử dụng SQL Server Agent để đánh giá một cách định kỳ một chính sách

Sự cài đặt hợp lý

SQL Server 2008 giới thiệu những cải thiện đáng kể đối trong chu trình phát triển dịch vụ SQL Server thông qua sự cài đặt được xây dựng lại, các thiết lập và kiến trúc cấu hình. Những cải thiện này phân chia sự cài đặt thành các bit vật lý trên phần cứng từ sự cấu hình của phần mềm SQL Server, điều đó cho phép các tổ chức và đối tác phần mềm có thể cung cấp cấu hình cài đặt đã khuyến khích.

1.2.4. Thực thi tối ưu và khả năng dự báo

Các tổ chức đã phải đối mặt với cả sức ép cho sự phát triển - cần phải cung cấp những câu trả lời có thể dự báo trước, tăng các ấn bản dữ liệu và tăng số lượng người dùng. SQL Server 2008 cung cấp một tập các tính năng nâng cao cho phép sự thực thi có thể dự báo trước và mở rộng cho bất kỳ luồng công việc nào trên nền tảng dữ liệu của bạn.

Thực thi chọn lọc dữ liệu

Thực hiện việc điều chỉnh và xử lý sự cố là các nhiệm vụ gây tốn rất nhiều thời gian cho các quản trị viên. Để cung cấp những gì tốt nhất trong thực thi hành động đối với các quản trị viên, SQL Server 2008 cho phép thực thi chọn lọc dữ liệu có phạm vi rộng hơn, một kho dữ liệu tập trung mới cho việc lưu dữ liệu thực thi và các công cụ mới cho việc báo cáo và kiểm tra.

- Nén dữ liệu
- Resource Governor
- Thực thi truy vấn dự báo

1.2.5. Phát triển động

Nền tảng cho khả năng lập trình dữ liệu toàn diện của Microsoft cho phép chuyên gia phát triển phần mềm có thể xây dựng giải pháp dữ liệu tập trung có các máy trạm, các thiết bị di động, các máy chủ Web trực tuyến và máy chủ doanh nghiệp. SQL Server 2008 hỗ trợ cho việc xây dựng các ứng dụng sử dụng nhiều công nghệ đã có từ trước như ODBC, ADO/OLEDB, và ADO.NET. Đặc biệt, SQL Server 2008 cùng với NET Framework và Visual Studio® Team Systems còn cho phép chuyên gia phát triển phần mềm xây dựng các ứng dụng cơ sở dữ liệu thế hệ kế tiếp.

Sự hỗ trợ mới cho các hệ thống kết nối cho phép các chuyên gia xây dựng ứng dụng mà người dùng có thể đưa dữ liệu vào các thiết bị và sau đó đồng bộ dữ liệu của họ với máy chủ trung tâm. Một số tiến bộ cho việc phát triển các ứng dụng bằng SQL Server 2008 sẽ được giới thiệu trong các phần tiếp theo.

1.2.6. Thúc đẩy quá trình phát triển

ADO.NET Entity Framework mới cho phép các chuyên gia phát triển đạt được năng suất cao hơn bằng cách làm việc với các thực thể dữ liệu logic đáp ứng với các nhu cầu cần thiết của doanh nghiệp thay vì việc phải lập trình trực tiếp với bảng và cột. Các mở rộng của ngôn ngữ truy vấn tích hợp (LINQ) trong .NET Framework đã cách mạng hóa cách chuyên gia phát triển phần mềm truy vấn dữ liệu bằng việc mở rộng C# và Visual Basic .NET để hỗ trợ cú pháp truy vấn giống SQL.

- Thúc đẩy sự phát triển của bạn với các thực thể và ADO.NET Entity Framework
- Ngôn ngữ truy vấn tích hợp (LINQ)
- Tích hợp CLR và các dịch vụ đối tượng của ADO.NET

1.2.7. Lưu trữ các kiểu dữ liệu

SQL Server 2008 cho phép sự giao dịch không bị đứt quãng giữa việc quản lý dữ liệu không quan hệ và quan hệ. Điều này cho phép người dùng dễ dàng truy cập vào các

tài liệu như dữ liệu, các kiến trúc mã hóa phức tạp bên trong XML và truy vấn cả dữ liệu quan hệ và văn bản.

DATE/TIME

SQL Server 2008 giới thiệu các kiểu dữ liệu date và time mới:

- DATE – là một kiểu dữ liệu ngày
- TIME – kiểu dữ liệu thời gian
- DATETIMEOFFSET – kiểu dữ liệu thời gian và ngày tính theo vùng
- DATETIME2 – rộng hơn kiểu DATETIME đang tồn tại

Các kiểu dữ liệu mới cho phép các ứng dụng có thể phân biệt kiểu dữ liệu và kiểu thời gian trong khi đó vẫn cung cấp được các dải dữ liệu lớn hơn hoặc độ chính xác được định nghĩa bởi người dùng cho các giá trị thời gian.

HIERARCHY ID

SQL Server 2008 cho phép các ứng dụng dữ liệu có thể mô hình theo cấu trúc cây một cách hiệu quả hơn với các phiên bản hiện hành. HierarchyId là một kiểu hệ thống mới có thể lưu giá trị để thể hiện các nút trong kiến trúc cây. Kiểu dữ liệu mới này đặc trưng cho mô hình lập trình linh động. Nó được thực thi như CLR UDT cho thấy một số hiệu quả và phương pháp hữu dụng bên trong cho việc tạo và hoạt động trên các nút của kiến trúc hệ đẳng cấp.

FILESTREAM Data

Kiểu dữ liệu FILESTREAM mới của SQL Server 2008 cho phép dữ liệu nhị phân cỡ lớn được lưu trực tiếp trong một hệ thống file NTFS, trong đó vẫn duy trì gần như toàn bộ cơ sở dữ liệu và duy trì sự nhất quán trong giải quyết nhiệm vụ ứng dụng. Kiểu dữ liệu FILESTREAM mới cho phép sự mở rộng dữ liệu nhị phân kích thước lớn mà trước kia được quản lý bởi cơ sở dữ liệu, được lưu bên ngoài cơ sở dữ liệu cho kinh tế hơn trong lưu trữ mà không cần có các tính năng cho việc truy cập dữ liệu như vậy.

Tích hợp tìm kiếm đầy đủ văn bản

Tích hợp tìm kiếm đầy đủ văn bản làm cho phiên liên lạc giữa tìm kiếm văn bản đầy đủ và dữ liệu quan hệ được liên tục trong đó vẫn cho phép người dùng sử dụng các

chỉ số văn bản đầy đủ để thực hiện tìm kiếm văn bản tốc độ cao trên các cột văn bản lớn.

Các cột rải rác

Tính năng này cho hiệu quả cao trong việc quản lý dữ liệu trống ở trong một cơ sở dữ liệu bằng việc cho phép dữ liệu NULL không sử dụng đến khoảng trống vật lý. Ví dụ, cột rải rác cho phép các mô hình đối tượng, điển hình là có một số lượng lớn các giá trị null được lưu trong một cơ sở dữ liệu SQL Server 2008 mà bạn không cảm nhận thấy cần phải chi phí cho không gian lớn.

Các kiểu dữ liệu lớn mà người dùng định nghĩa

SQL Server 2008 trừ ra giới hạn 8KB cho các kiểu dữ liệu người dùng định nghĩa (UDT), cho phép người dùng mở rộng kích thước UDT của họ một cách rõ ràng.

1.2.8. Thông tin toàn doanh nghiệp

Hiểu thấu đáo doanh nghiệp cho phép tạo những quyết định tốt hơn thông qua công nghệ, cho phép người dùng chọn, xóa, lưu và chuẩn bị dữ liệu doanh nghiệp của họ trong quá trình tạo quyết định. Nhắm tới sức mạnh trong thị trường thông tin doanh nghiệp (BI), SQL Server 2008 cung cấp một cơ sở hạ tầng có thể mở rộng cho phép CNTT có thể đưa thông tin doanh nghiệp xuyên suốt trong tổ chức bằng việc quản lý báo cáo, phân tích và nhiều thứ khác trong đó vẫn cung cấp sự tích hợp sâu với Microsoft Office System. SQL Server 2008 cho phép các tổ chức phân phối thông tin doanh nghiệp đến các nhân viên, từ đó cho phép tạo được các quyết định tốt hơn, nhanh hơn và thích đáng hơn.

1.2.9. Việc lưu trữ dữ liệu thế hệ kế tiếp

Các tổ chức tiếp tục đầu tư vào BI và các giải pháp lưu trữ dữ liệu để có thể nhận được giá trị từ dữ liệu của họ. SQL Server 2008 cung cấp một nền tảng lưu trữ dữ liệu có khả năng mở rộng và toàn diện cho phép các tổ chức tích hợp dữ liệu bên trong kho lưu trữ dữ liệu nhanh hơn, có thể mở rộng/quản lý các ấn bản dữ liệu và người dùng đang gia tăng, trong đó vẫn phân phối được thông tin đến được tất cả mọi người. Dưới đây là một số những nâng cao trong việc lưu trữ dữ liệu.

- Nén dữ liệu
- Nén backup
- Bảng chia song song

- Truy vấn nối ghép
- Tài nguyên chủ (Resource Governor)
- GROUPING SETS
- Thay đổi capture dữ liệu
- Lệnh MERGE SQL
- Lệnh MERGE SQL

SQL Server 2008 cùng với .NET Framework đã giảm được sự phức tạp trong việc phát triển các ứng dụng mới. ADO.NET Entity Framework cho phép các chuyên gia phát triển phần mềm có thể nâng cao năng suất bằng làm việc với các thực thể dữ liệu logic đáp ứng được các yêu cầu của doanh nghiệp thay vì lập trình trực tiếp với các bảng và cột. Các mở rộng của ngôn ngữ truy vấn tích hợp (LINQ) mới trong .NET Framework đã cách mạng hóa cách các chuyên gia phát triển truy vấn dữ liệu bằng việc mở rộng Visual C#® và Visual Basic® .NET để hỗ trợ cú pháp truy vấn giống SQL vốn đã có. Hỗ trợ cho các hệ thống kết nối cho phép chuyên gia phát triển xây dựng các ứng dụng cho phép người dùng mang dữ liệu cùng với ứng dụng này vào các thiết bị và sau đó đồng bộ dữ liệu của chúng với máy chủ trung tâm.

CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG VÀ PHÁT BIỂU BÀI TOÁN

2.1. Khái quát về trường mầm non Quán Toan.

- Trường mầm non Quán Toan được thành lập tháng 10/1998 thuộc thị trấn Quán Toan, huyện An Dương, Hải Phòng. Khi mới thành lập trường chỉ có 7 lớp với 186 trẻ và 15 cán bộ giáo viên, nhân viên.
- Năm 1994, thị trấn Quán Toan trở thành phường Quán Toan quận Hồng Bàng, Hải Phòng, trường có sự thay đổi về quy mô trường: có 3 điểm trường với 15 lớp, trên 400 trẻ và 37 cán bộ giáo viên, nhân viên.
- Đến năm 2008 trường đã phát triển thành 20 lớp với tổng số trẻ là 625 trẻ và 62 cán bộ giáo viên, nhân viên.

+ **Khu A:** nằm ở vị trí số 9-khu 4 (Khu chính) phường Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng.

Diện tích: 4891,2 m²

Số lớp: 13 lớp

Số trẻ: 395 trẻ

+ **Khu B:** nằm ở vị trí Tổ Do Nha phường Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

Diện tích: 886,2 m²

Số lớp: 3 lớp

Số trẻ: 105 trẻ

+ **Khu C:** nằm ở vị trí tổ Công Mỹ phường Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

Diện tích: 909,2 m²

Số lớp: 4 lớp

Số trẻ: 125 trẻ

- Qua 24 năm thành lập, trường đã có bước phát triển thăng trầm và đạt được nhiều thành tích cao về chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Trường được khen tặng nhiều phần thưởng cao quý, liên tục đạt danh hiệu thi đua: “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đảng bộ trong sạch, vững mạnh”, “Công đoàn vững mạnh, xuất sắc”, được tặng nhiều bằng khen, cờ thi đua xuất sắc của thành phố và Bộ giáo dục và Đào Tạo.
- Năm 2004 trường vinh dự được bộ giáo dục và đào tạo công nhận Trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia và được nhà nước tặng huân chương lao động hạng ba, 26

năm xây dựng và phát triển nhà trường (1988-2014), tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên Trường Mầm Non Quán Toan tin tưởng rằng với sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo, các phòng ban chuyên môn cùng sự hoạt động tích cực, năng động, sáng tạo, hiệu quả của đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường, trường Mầm Non Quán Toan nhất định sẽ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ, xứng đáng là “địa chỉ tin cậy” của các bậc phụ huynh và nhân dân phường Quán Toan.

- Cơ sở vật chất, đồ dùng, trang thiết bị được đầu tư khang trang, hiện đại theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia. Cảnh quan sân trường rộng rãi, thoáng mát, luôn "Xanh - sạch - đẹp" với nhiều cây xanh bóng mát, nhiều thể loại, đồ chơi ngoài trời giúp trẻ rèn luyện, phát triển thể chất và nhân cách tốt nhất.
- Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc:
 - + Luôn được cải tiến nâng cao, đảm bảo định lượng, khẩu phần bữa ăn cho trẻ được tính theo phương pháp khoa học: tính định lượng Calo, lượng đạm, mỡ, đường, sinh tố, muối khoáng theo tiêu chuẩn nhu cầu dinh dưỡng cần đạt của từng lứa tuổi, đúng với qui định của Viện dinh dưỡng quốc gia.
- Chất lượng giáo dục
 - + Nhà trường thực hiện chương trình đổi mới giáo dục Mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo qui định. Quan tâm giáo dục trẻ phát triển tốt 5 lĩnh vực: Thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ; giúp trẻ phát triển khả năng tư duy, sáng tạo, tự tin và có kỹ năng trong cuộc sống tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ vào lớp 1 được thuận lợi.
- Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên
 - + Trường có đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, năng lực và có kinh nghiệm nhiều năm trong công tác.
 - + Đội ngũ cán bộ giáo viên nhà trường có trình độ chuyên môn vững vàng (66% có trình độ cao đẳng, đại học), có lòng yêu nghề mến trẻ, say sưa tâm huyết với nghề...v.v...
- Về cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường và chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy nhà trường.
- Nhiệm vụ của hiệu trưởng.
 - + Chỉ đạo chung, tổ chức bộ máy nhà trường.

- + Điều hành các hoạt động của trường, thành lập và cử tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ hành chính quản trị, thành lập các hội đồng trong trường.
- + Chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động của nhà trường.
- + Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học.
- + Phân công, quản lý, kiểm tra công tác giáo viên, nhân viên, đề nghị khen thưởng kỷ luật và đảm bảo quyền lợi của giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.
- + Quản lý và tổ chức giáo dục trẻ.
- + Quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường.
- + Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, trẻ, tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường.
- + Theo học các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ quản lý trường và được hưởng các quyền lợi của hiệu trưởng theo quy định.
- + Đề xuất với cấp ủy và chính quyền địa phương hoặc lãnh đạo cơ quan nhằm huy động mọi nguồn lực phục vụ cho việc chăm sóc, giáo dục trẻ của trường.
- Phó hiệu trưởng.
 - + Chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về các nhiệm vụ được giao là người giúp việc cho hiệu trưởng, nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công, phó hiệu trưởng gồm 2 người, mỗi người làm một phần việc riêng.
- Phó hiệu trưởng (Dạy Trẻ):
 - + Phụ trách chỉ đạo chuyên môn mảng dạy và mảng trang trí, mảng công nghệ thông tin nhà trường, có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch giảng dạy theo năm, tháng cho tổ mình phụ trách, thay mặt hiệu trưởng giải quyết các công việc khi được ủy quyền.
- Phó hiệu trưởng (Nuôi Dưỡng):
 - + Phụ trách chỉ đạo chuyên môn tổ nuôi của nhà trường và cơ sở vật chất, có nhiệm vụ lên lịch ăn và tính khẩu phần ăn cho trẻ, bảo quản tốt cơ sở vật chất cho nhà trường, thay mặt hiệu trưởng giải quyết các công việc khi được ủy quyền.
- Nhiệm vụ của giáo viên.
 - + Rèn luyện đạo đức, học tập chính trị, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng và hiệu quả chăm sóc giáo dục trẻ.

- + Thực hiện theo công tác và kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ em theo lứa tuổi, thực hiện đúng theo quy chế chuyên môn và chấp hành nội quy của nhà trường.
- + Bảo đảm an toàn tuyệt đối tính mạng của trẻ.
- + chủ động phối hợp với gia đình trẻ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng trẻ theo khoa học cho các bậc cha mẹ.
- + Xây dựng kế hoạch giảng dạy tuần cho lớp mình chủ nhiệm.
- + Làm tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo đúng quy chế chuyên môn và nội quy của trường.
- + Chịu trách nhiệm về chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ của lớp mình trước nhà trường.
- Nhiệm vụ của phòng hành chính (kế toán)
 - + Sử dụng tốt kiến thức tin học nghiệp vụ kế toán.
 - + Chịu trách nhiệm thanh quyết toán nguồn chi lương và các khoản chi trong tháng, các loại sổ sách chứng từ thu, chi rõ ràng, sạch đẹp.
 - + Làm tốt công tác tham mưu cho hiệu trưởng, lên kế hoạch xin kinh phí các chế độ nâng lương lập kế hoạch dự toán thu, chi hàng tháng quyết toán với kho bạc.
 - + Thực hiện kiểm kê tài sản các lớp toàn trường, đánh giá khấu hao tài sản, các chứng từ được cập nhật vào sổ hàng ngày.
 - + Quản lý tiền mặt theo đúng nguyên tắc, không thâm hụt, thừa thiếu (tiền vay, gửi phải được thông qua hiệu trưởng duyệt).
 - + Hàng tháng phải đối chiếu nguồn thu, chi giữa kế toán và thủ quỹ để quyết toán khóa sổ.
 - + Đảm bảo cấp phát tiền hàng tháng cho giáo viên.
 - + Hoàn thành nhiệm vụ được phân công theo đúng chức trách, giúp hiệu trưởng quản lý tài chính theo đúng quy định của nhà nước.
- Tổ nuôi.
 - + Lên thực đơn và tính khẩu phần định lượng trước 1 ngày, đảm bảo về chất và lượng: cơm, thức ăn mặn, canh.
 - + Quản lý kiểm tra thực phẩm sống, chín, nắm đúng định lượng khi chế biến, chế biến thành phần đảm bảo thơm ngon, sạch sẽ, bảo đảm an toàn thực phẩm, đảm bảo giờ ăn của trẻ đúng giờ, ăn hết xuất.

- + Bảo quản đồ dung của nhà bếp và lớp mà nhà trường đã giao luôn sạch sẽ.
- Bảo vệ.
 - + Chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản của nhà trường tránh thất thoát tài sản.
 - + Cùng tổ nuôi chăm sóc, quản lý trẻ xa các trò chơi nguy hiểm, bảo vệ các bé.

2.2 Hiện trạng ứng dụng tin học tại cơ sở

- Hiện tại toàn trường đã đầu tư mỗi phòng học một máy tính để phục vụ công tác giảng dạy.
- Toàn trường sử dụng phần mềm MS Office để lập biểu và tạo các báo cáo trong công tác quản lý. Do đó, công tác quản lý còn khá đơn giản và gặp nhiều hạn chế.
- Trên cơ sở đó, việc ứng dụng tin học trong công tác quản lý giáo viên là vấn đề rất cần thiết cho Nhà trường.

2.3 Mô tả Bài Toán

Bài Toán Quản Lý Giáo Viên Gồm Những Công Việc Sau:

- + Xét tuyển công chức
- + Quản lý hồ sơ.
- + Tính lương
- + Theo dõi các Chế Độ Khác
- + Lập các báo cáo thống kê.

a, Xét tuyển công chức

Hàng năm, Quận gửi Kế hoạch xét tuyển công chức tới Trường để lập kế hoạch xét tuyển hàng năm toàn ngành trình thành phố phê duyệt. Căn cứ vào Kế hoạch tuyển dụng, Trường và quận thống nhất lịch tuyển dụng với các bộ phận.

Trường và quận dựa vào vị trí cần tuyển chọn để thành lập Hội đồng xét tuyển. Hội đồng xét tuyển chọn sẽ thông báo tuyển dụng, tiếp nhận hồ sơ dự tuyển của các giáo viên. Lựa chọn hồ sơ đạt yêu cầu và lên danh sách ứng viên sẽ tham gia thi tuyển.

1.1 Đối tượng xét duyệt

Giáo viên tại các trường mầm non công lập thuộc quận đã hợp đồng từ trước ngày 31/8/2011 trở về trước. Số lượng xét duyệt :tùy từng năm. viên

1.2, Điều kiện

Giáo viên tại các trường mầm non công lập thuộc quận đã hợp đồng từ trước ngày 31/8/2011 trở về trước. Có bằng tốt nghiệp Trung Cấp sư phạm mầm non trở lên. Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ (đánh giá từ loại khá trở lên) 3 năm học trở lại đây. Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ. Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên có xác nhận của cơ quan thẩm quyền (nếu có). Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp huyện cấp trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ xét duyệt. Phiếu đánh giá xếp loại giáo viên trong 3 năm học gần đây. Biên bản, danh sách đề nghị xét duyệt của nhà trường

1.3, Quy trình xét duyệt.

- Hiệu trưởng các trường mầm non thực hiện các nhiệm vụ sau:

Căn cứ tiêu chuẩn theo quy định, lập danh sách những người đủ điều kiện xét duyệt. Tổ chức họp thống nhất trong tập thể lãnh đạo, cấp ủy, công đoàn xác định những người đủ điều kiện đưa vào danh sách (có biên bản kèm theo). Lập danh sách chính thức theo mẫu, hồ sơ kèm theo biên bản họp gửi Hội đồng xét duyệt quận.

- Dựa trên các tiêu chí xét duyệt như sau.

Những người đã có đủ điều kiện, tiêu chuẩn chung theo quy định trên, được xét duyệt căn cứ vào các tiêu chí theo thứ tự ưu tiên sau:

- Con liệt sỹ.
- Con thương binh.
- Giáo viên đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua thành phố, Giáo viên dạy giỏi cấp thành phố.
- Số còn lại xét duyệt căn cứ vào thời gian giảng dạy hợp đồng có đóng bảo hiểm xã hội trong ngành đào dục mầm non...

Phương thức xét duyệt theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới cho đến hết chỉ tiêu được ủy ban nhân dân thành phố duyệt năm 2013 đối với Ủy ban nhân dân quận.

- Thời gian xét duyệt.

Các trường hoàn thành việc xét duyệt năm 2013 và gửi hồ sơ về Hội đồng xét duyệt Ủy ban nhân dân quận (qua phòng vụ Nội vụ) chậm nhất vào ngày 23/12/2013.

1.4, Hội đồng xét duyệt.

a. Thành lập hội đồng xét duyệt.

Hội đồng xét duyệt của UBND quận thành lập gồm 5 thành viên:

- Chủ tịch hội đồng là Chủ tịch UBND quận
- Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch UBND quận
- Trưởng phòng Nội vụ quận là Ủy viên thường trực kiêm thư ký.
- Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo quận là Ủy viên.
- Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch là Ủy viên.

b. Thời gian xét duyệt.

- Ngày 18/12/2013, thông báo kế hoạch xét duyệt được niêm yết tại trụ sở UBND quận và các trường Mầm non công lập thuộc quận.
- Ngày 23/12/2013 nhận danh sách trích ngang và hồ sơ xét duyệt.
- Ngày 31/12/2013, Hội đồng tổ chức xét duyệt hồ sơ và dự kiến xếp lương theo quy định. Kết quả xét duyệt và xếp lương được thông báo công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận, đồng thời gửi về các trường mầm non để công khai kết quả. Ngày 6/1/2014, Hội đồng tiếp nhận đơn kiến nghị, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết đơn (nếu có).
- Ngày 10/1/2014, lập danh sách giáo viên được xét duyệt và dự kiến xếp lương gửi Hội đồng thẩm định thành phố.

1.5: Hồ sơ xét duyệt.

- Đơn đề nghị của cá nhân theo mẫu.
- Sơ yếu lý lịch.
- Bản sao hoặc bản phô tô giấy khai sinh được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.
- Bản sao các văn bằng tốt nghiệp chuyên môn nghiệp vụ và bảng điểm được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.
- Bản sao sổ bảo hiểm xã hội hoặc bản ghi quá trình đóng Bảo hiểm xã hội.

1.6: Thông báo kết quả.

- Sau khi có thông báo kết quả của Hội đồng xét duyệt quận, Hiệu trưởng kiểm tra thông báo trong trường, tiếp thu ý kiến, kiến nghị hoặc có ý kiến, kiến nghị gửi Hội đồng xét duyệt quận.
- Sau khi có thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố, Hiệu trưởng trường mầm non tổ chức : thông báo kết quả duyệt chính thức của hội đồng thẩm định thành phố, Ký hợp đồng **không xác định thời hạn** đối với

giáo viên theo danh sách xếp lương đã được thẩm định. Giáo viên được xét duyệt tiến hành nộp hồ sơ giáo viên.

1.7: Hội đồng xét duyệt quận:

- Tổ chức xét duyệt theo quy định trên cơ sở danh sách và hồ sơ giáo viên do các trường mầm non chuyển lên.
- Tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại (nếu có).
- Lập danh sách người được duyệt và dự kiến xếp lương gửi Hội đồng thẩm định thành phố.

b. Quản lý hồ sơ.

Phòng Nhân sự - Hành chính của trường là nơi tiếp nhận Hồ sơ của toàn bộ giáo viên trong trường.

Nếu bị sa thải, Phòng Nhân sự - Hành chính trả lại hồ sơ cho giáo viên.

Giáo viên tự nghỉ việc, Phòng Nhân sự - Hành chính sẽ hủy hồ sơ.

Trường hợp về hưu, Phòng Nhân sự - Hành chính sẽ chuyển hồ sơ của nhân viên về phòng BHXH thành phố Hải Phòng.

Trường hợp chuyển đổi vị trí công tác, Phòng Nhân sự - Hành chính bổ sung thêm giấy tờ cần thiết như : thông báo thay đổi tình trạng nhân sự, thông báo tăng lương hoặc quyết định kỷ luật,... vào hồ sơ của nhân viên.

Đến kỳ tăng lương cũng được cập nhật vào hồ sơ.

Việc bồi dưỡng nghiệp vụ cũng được cập nhật thường xuyên.

Trường nonQuán Toan nhận dạy các bé từ 2 đến 5 tuổi. Nên việc phân lớp cũng dựa theo độ tuổi của các bé.

Đầu năm Hiệu trưởng sẽ dựa vào trình độ của từng giáo viên mà phân lớp cho từng giáo viên. Trình độ cao thì sẽ đảm nhiệm những lớp tuổi cao hơn. 2 cô 1 lớp. Giáo viên trong trường được phân làm 2 mảng chính.

Chăm sóc: những giáo viên có trình độ dạy kém hơn hoặc sức khỏe không tốt để đứng lớp.

Day học : những giáo viên có đủ trình độ và sức khỏe.

- Nhóm lớp 2 tuổi.
- Nhóm lớp 3 tuổi.
- Nhóm lớp 4 tuổi.
- Nhóm lớp 5 tuổi

Việc giảng dạy thì các giáo viên có thể đảm nhiệm tất cả các môn. Các môn dạy chủ yếu của nhà trường là: múa, vẽ, võ, hát.

c, Tính Lương

Hàng ngày, Hiệu Phó xê theo dõi số ngày làm việc, số ngày làm thêm,... của từng giáo viên để lập ra Bảng chấm công. Hàng tháng, các Hiệu Phó gửi Bảng chấm công về Phòng Nhân sự-Hành chính. Phòng Nhân sự-Hành chính kiểm tra Bảng chấm công và tính lương cho cán bộ giáo viên trong trường và trả lương vào ngày 26 hàng tháng thông qua ngân hàng.

Tiêu chuẩn xếp lương

Việc xếp lương cho giáo viên và công nhân viên chức mới giải phóng được tuyển dụng phải theo những tiêu chuẩn chung:

- Tinh thần thái độ công tác, ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật.
- Ngành nghề đào tạo, khả năng công tác, khả năng giảng dạy và nhiệm vụ được giao.
- Kết quả giảng dạy và công tác từ khi được sử dụng đến nay.

Đối với giáo viên biên chế và đại học không xác định thời hạn.

2.1, Mức lương mới vào

- Đối với đại học: hệ số lương là 2,34(hưởng 85% 1 năm đầu tiên) cộng với các phụ cấp theo quy định.
- Đối với Cao đẳng: hệ số lương là 2,1(hưởng 85% 1 năm đầu tiên) cộng với các phụ cấp theo quy định
- Đối với Trung cấp: hệ số lương là 1.86(hưởng 85% 6 tháng đầu tiên) cộng với các phụ cấp theo quy định
- Phụ cấp theo quy định: cộng thêm 35% (ưu đãi nghề), cộng thêm 22% (trợ cấp bảo hiểm xã hội...)ss

2.2 Hệ số lương

- Hệ số lương cơ bản : 11500000VND.
- Đại học 3 năm tăng lương 1 lần, mỗi lần tăng cộng thêm 0,3 (hệ số lương)
- Cao đẳng 3 năm tăng lương 1 lần, mỗi lần tăng cộng thêm 0,31 (hệ số lương)
- Trung cấp 2 năm tăng lương 1 lần, mỗi lần tăng cộng thêm 0,2 (hệ số lương)
- Đối với giáo viên hợp đồng thì mức lương chỉ tính như mức lương mới vào.

2,3 Cách tính lương.

- Đối với đại học: hệ số lương là 2,34 cộng với các phụ cấp theo quy định.

- Đối với Cao đẳng: hệ số lương là 2,1 cộng với các phụ cấp theo quy định
- Đối với Trung cấp: hệ số lương là 1.86 cộng với các phụ cấp theo quy định
- Phụ cấp theo quy định: cộng thêm 35% (ưu đãi nghề), cộng thêm 22% (trợ cấp bảo hiểm xã hội...)
- Đối với 1 số người còn được cộng thêm lương chức vụ. Khi họ nắm 1 số chức vụ trong trường.

2.4 Chế độ lương hưu.

- Tất cả giáo viên trong trường khi về hưu được hưởng 75% mức lương của người đó tại thời điểm hiện tại.
- Mức tuổi nghỉ hưu : nam 60 tuổi, nữ 55 tuổi.

Ngoài ra các vấn đề khác như xin nghỉ ốm , công tác xa đơn vị, xin ghi để sẽ được xem xét để có thể tính toán thời gian làm việc đúng cho nhân viên

- Số ngày được nghỉ tối đa: 12 ngày/1 năm.

Quá số ngày nghỉ tối đa: trừ trực tiếp vào lương tháng đó.

- Trường hợp đi muộn về sớm : trừ 5% lương.
- Làm thêm giờ thì mức lương như sau:

Tại khoản 1, Điều 4 Thông tư này quy định công thức tính tiền lương dạy thêm giờ như sau:

- Tiền lương dạy thêm giờ/năm học = Số giờ dạy thêm/năm học x Tiền lương 1 giờ dạy thêm.
- Tiền lương 1 giờ dạy thêm = Tiền lương 1 giờ dạy x 150%.

2.5, Chế độ thai sản:

Lao động nữ sinh con hoặc người lao động nhận nuôi con nuôi dưới bốn tháng tuổi thì được trợ cấp một lần bằng hai tháng lương tối thiểu chung cho mỗi con.

Theo quy định nêu trên, chế độ trợ cấp thai sản của bạn được tính như sau :

Đại Học: $2,34 \times 1\,150\,000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} = 16\,146\,000 \text{ đồng}$

$1\,150\,000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 2\,300\,000 \text{ đồng}$

Tổng cộng = 18 676 000 đồng

Không ứng lương. Trả lương 1 lần trong 1 tháng từ 26-29 hàng tháng. Trả lương qua thẻ.

Việc chấm công hàng ngày thì hiệu phó là người quản lý.

d. Theo dõi các Chế Độ Khác

Tiếp nhận Đơn xin nghỉ phép(ốm đau, thai sản)

Khi CBCNV ốm đau cần nghỉ phép hay mang thai đến thời gian sinh con, phải làm Đơn xin nghỉ gửi cho Phòng Nhân sự- Hành chính.

- Tiếp nhận Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH

Sau khi CBCNV đi làm lại, phải gửi cho Phòng ban làm việc của mình Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH , sau đó các Phòng ban sẽ chuyển lên Phòng Nhân sự - Hành chính để giải quyết phúc lợi cho CBCNV.

- Lập Danh sách người lao động hưởng trợ cấp BHXH

Sau khi tiếp nhận Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH, Phòng Nhân sự - Hành chính sẽ lập Danh sách người lao động hưởng trợ cấp BHXH và gửi tới Cơ quan bảo hiểm để thanh toán. Cơ quan bảo hiểm sẽ gửi lại cho Phòng Nhân sự- Hành chính Danh sách lao động được hưởng trợ cấp BHXH được duyệt.

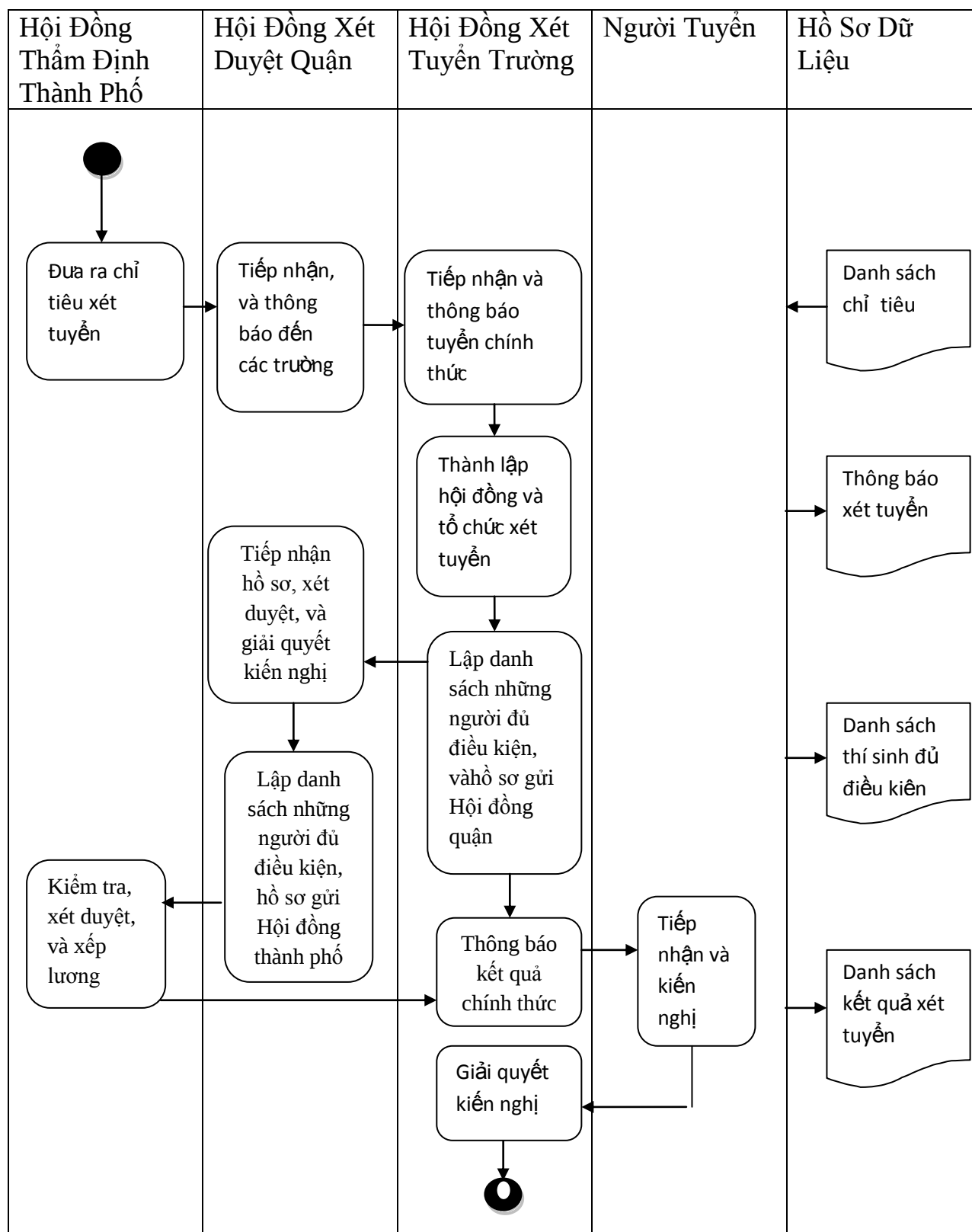
- Trường hợp các gv đi bồi dương nghiệp vụ được hưởng theo tiêu chuẩn của nhà nước.

e, Lập các báo cáo thống kê.

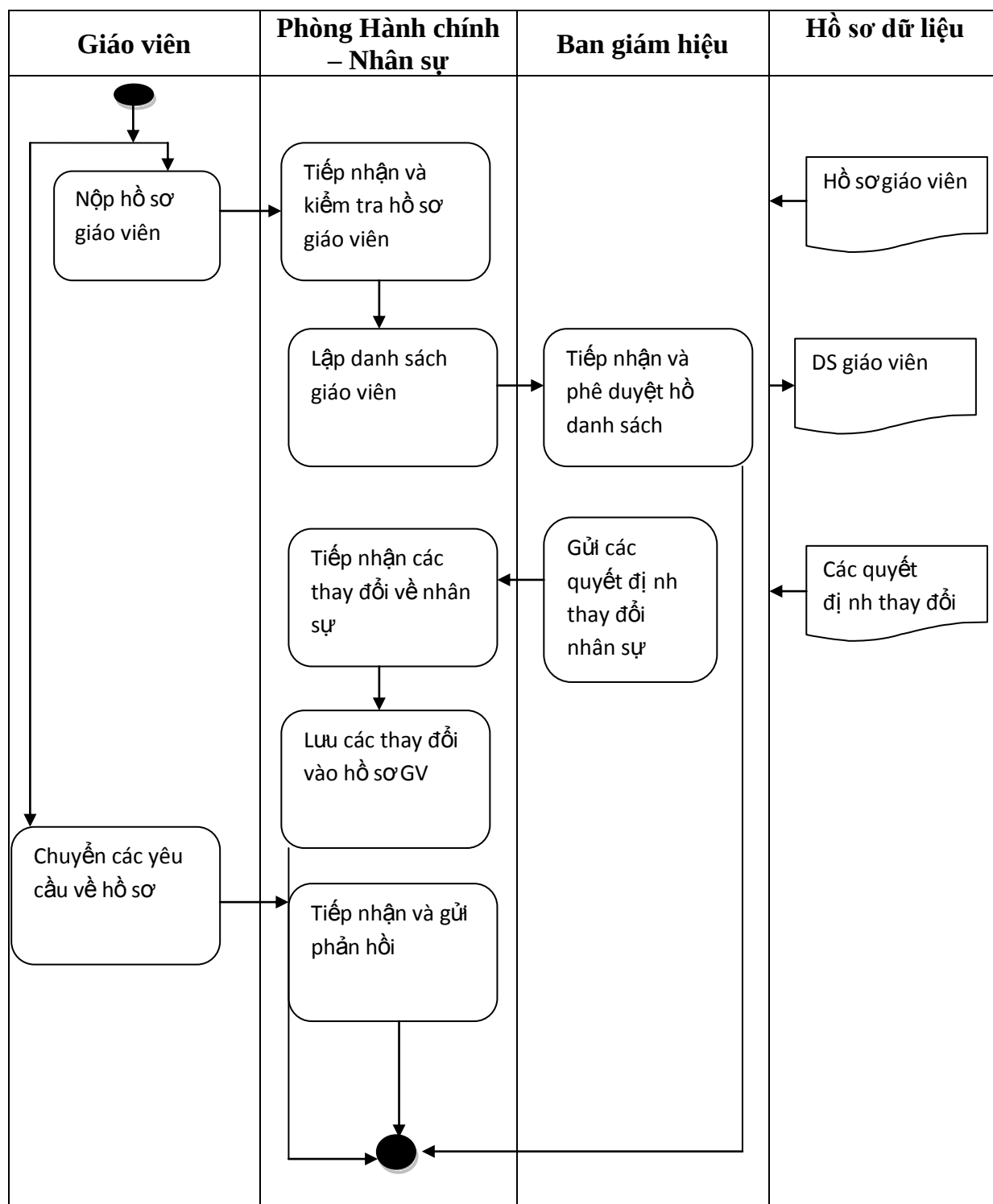
Hàng tháng hoặc cuối năm Bộ phận Kế toán sẽ lập các báo cáo danh sách giáo viên lên lương, giáo viên về hưu, giáo viên hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, giáo viên nghỉ thai sản,...gửi lên Ban giám hiệu nhà trường.

2.4 Các biểu đồ hoạt động

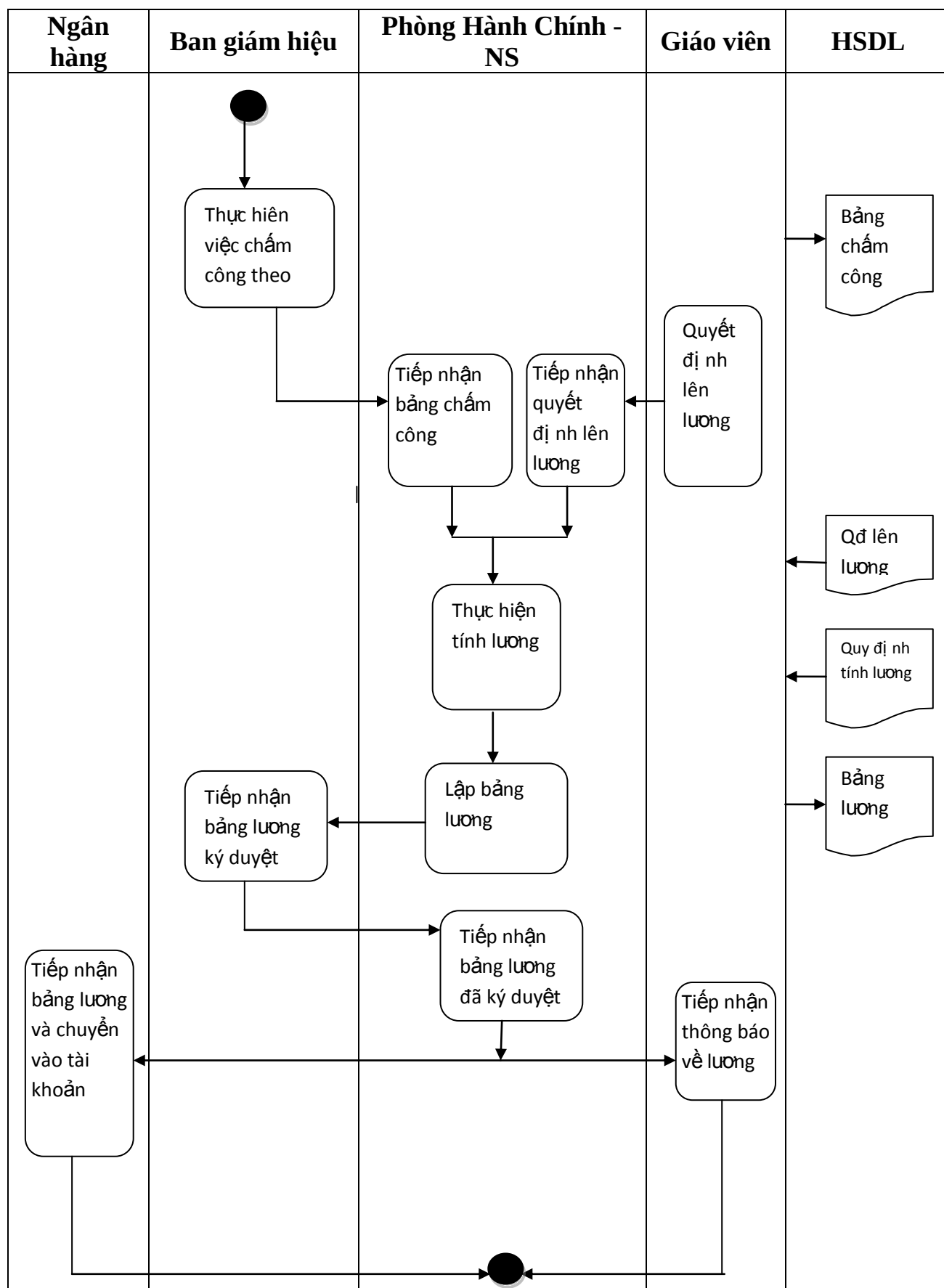
a. Quy trình xét tuyển công chức



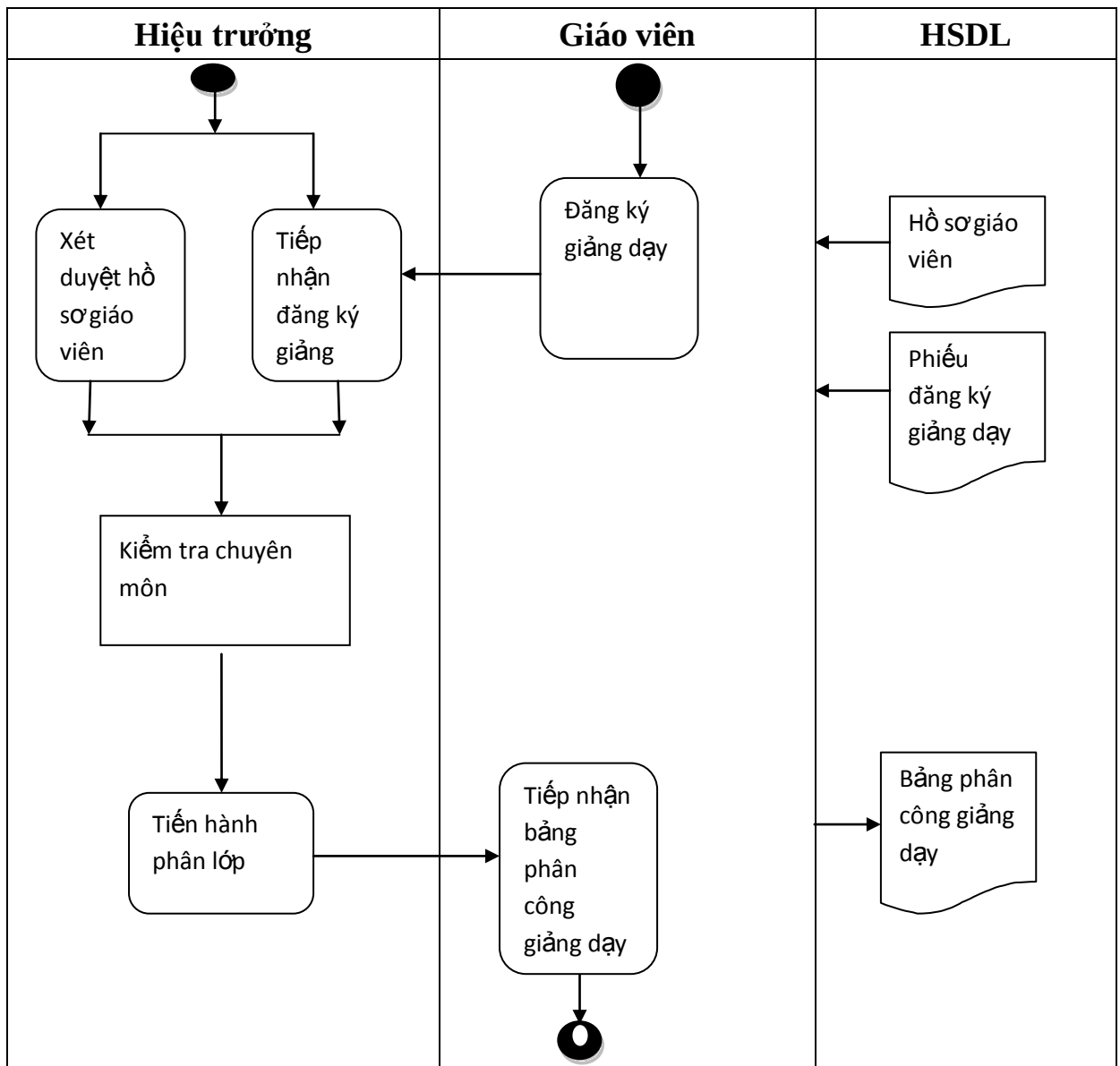
b. Quy trình quản lý hồ sơ



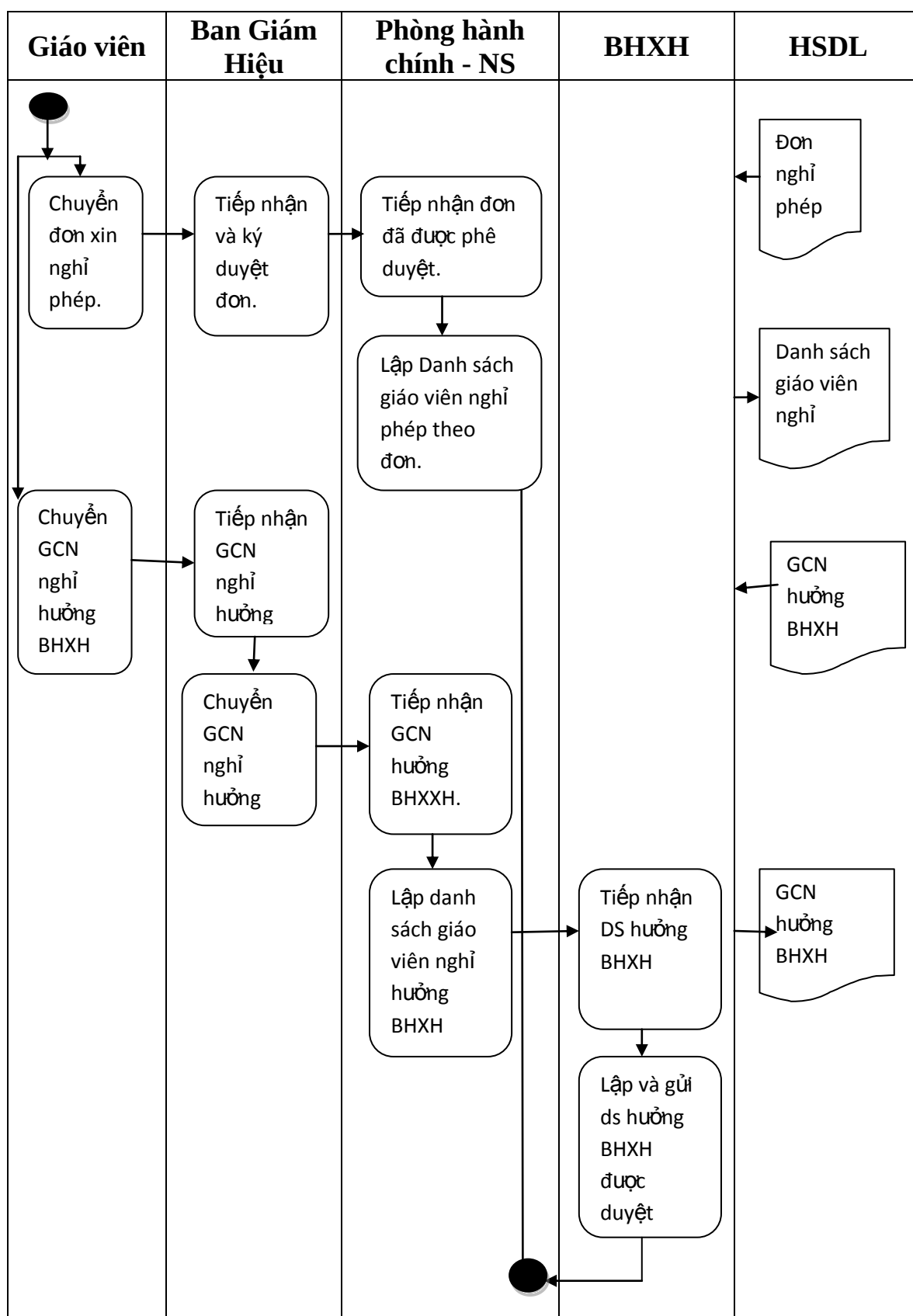
c. Quy trình tính lương



d. Quy trình phân lớp

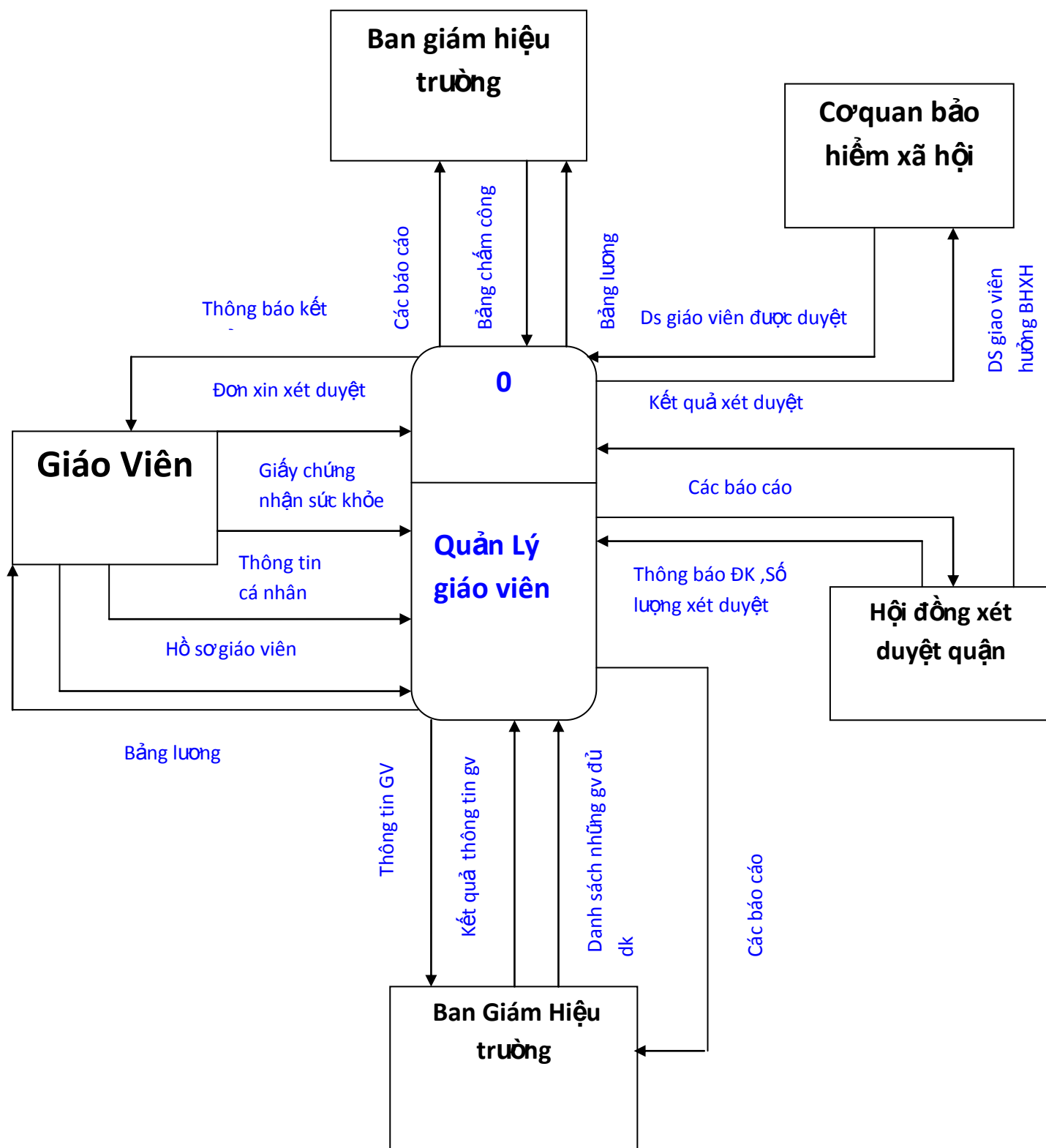


e) Quy trình Theo dõi các chế độ khác



CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

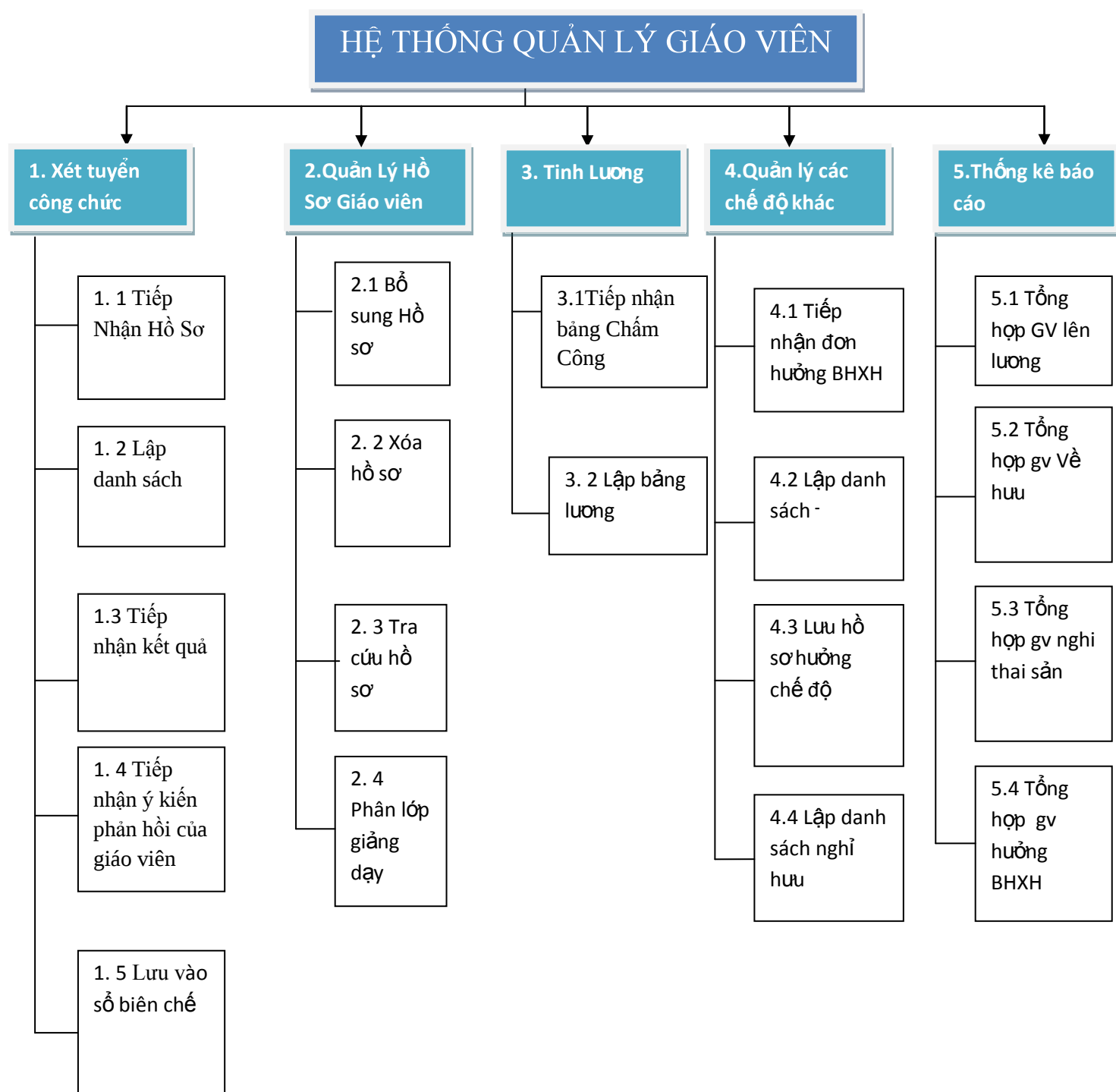
3.1, Biểu đồ ngữ cảnh.



3.2. Biểu đồ phân rã chức năng.

a. Lập bảng phân tích

STT	Động từ + bổ ngữ	Nhóm lần 1	Nhóm lần 2
1	Tiếp nhận hồ sơ	Tuyển Dụng	Chương trình quản lý Giáo viên
2	Lập danh sách		
3	Tiếp nhận kết quả		
4	Tiếp nhận ý kiến phản hồi		
5	Lưu vào sổ biên chế		
6	Bổ sung hồ sơ	Quản lý hồ sơ giáo viên	
7	Xóa hồ sơ		
8	Tra cứu hồ sơ		
9	Phân công giảng dạy		
10	Tiếp nhận bảng chấm công	Tính lương	
11	Lập bảng lương		
12	Tiếp nhận đơn hưởng BHXH	Quản lý các chế độ khác	
13	Lập danh sách		
14	Lưu hồ sơ hưởng chế độ		
15	Lập danh sách nghỉ hưu		
16	Tổng hợp giáo viên lên lương	Thống kê báo cáo	
17	Tổng hợp giáo viên về hưu		
18	Tổng hợp giáo viên nghỉ thai sản		
19	Tổng hợp giáo viên hưởng BHXH		

b. Sơ đồ phân rã chức năng

3.3. Mô tả chi tiết chức năng lá

a. Xét tuyển công chức

- Tiếp nhận hồ sơ: khi Ủy ban nhân dân quận đưa ra yêu cầu tuyển dụng. Nhà trường bắt đầu thông báo, và nhận hồ sơ xét tuyển của các giáo viên.
- Lập danh sách: sau khi nhận hồ sơ xét tuyển của các giáo viên nhà trường bắt đầu lập danh sách các giáo viên đủ điều kiện để đưa lên ủy ban nhân dân Quận.
- Tiếp nhận kết quả: Sau khi nhận được danh sách các giáo viên trúng tuyển từ Quận thì nhà trường bắt đầu thông báo kết quả.
- Tiếp nhận ý kiến phản hồi của giáo viên: Khi kết quả xét tuyển được thông báo nhà trường tiếp nhận và trả lời ý kiến phản hồi của giáo viên.
- Lưu vào sổ biên chế: sau khi giải quyết xong các ý kiến phản hồi của giáo viên thì những giáo viên trúng tuyển sẽ được lưu vào sổ biên chế.

b. Quản lý hồ sơ

Phòng Nhân sự - Hành chính của trường là nơi tiếp nhận Hồ sơ của toàn bộ giáo viên trong trường.

- Bổ sung hồ sơ

Khi nhân viên mới được vào làm tại công ty, Phòng Nhân sự - Hành chính thực hiện việc cập nhật hồ sơ. Những thông tin bao gồm: Họ tên, Ngày sinh, Quốc tịch, Số CMND, Địa chỉ thường trú, Địa chỉ tạm trú, Điện thoại, các thông tin về gia đình, tình trạng hôn nhân, trình độ học vấn, quá trình đào tạo, quá trình làm việc. Hoặc trong quá trình công tác tại công ty, nhân viên thường tham gia các khóa đào tạo, học thêm những văn bằng khác,... phải thêm hồ sơ.

- Xóa hồ sơ

Nếu bị sa thải, Phòng Nhân sự - Hành chính trả lại hồ sơ cho giáo viên. Giáo viên tự nghỉ việc, Phòng Nhân sự - Hành chính sẽ hủy hồ sơ.

- Tra cứu hồ sơ

Việc tra cứu hồ sơ là rất quan trọng khi muốn biết thông tin về giáo viên

- Phân lớp giảng dạy

Đầu năm Hiệu trưởng sẽ dựa vào trình độ của từng giáo viên mà phân lớp cho từng giáo viên. Trình độ cao thi sẽ đảm nhiệm những lớp tuổi cao hơn. 2 cô 1 lớp. Giáo viên trong trường được phân làm 2 mảng chính.

Chăm sóc: những giáo viên có trình độ dạy kém hơn hoặc sức khỏe không tốt để đứng lớp.

Day học : những giáo viên có đủ trình độ và sức khỏe.

c. Tính lương

- Tiếp nhận bảng Chấm Công

Hàng ngày, Hiệu Phó sẽ theo dõi số ngày làm việc, số ngày làm thêm,... của từng giáo viên để lập ra Bảng chấm công. Hàng tháng, các Hiệu Phó gửi Bảng chấm công về Phòng Nhân sự-Hành chính. Phòng Nhân sự-Hành chính kiểm tra Bảng chấm công và tính lương cho cán bộ giáo viên trong trường và trả lương vào ngày 26 hàng tháng thông qua ngân hàng

- Lập bảng lương

Sau khi tiếp nhận bảng chấm công thì kế toán dựa vào các quy định tính lương để lập bảng lương.

d. Quản lý các chế độ khác

- Tiếp nhận Đơn xin nghỉ phép(ốm đau, thai sản)

Khi CBCNV ốm đau cần nghỉ phép hay mang thai đến thời gian sinh con, phải làm Đơn xin nghỉ gửi cho Phòng Nhân sự- Hành chính.

– Tiếp nhận Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH

Sau khi CBCNV đi làm lại, phải gửi cho Phòng ban làm việc của mình Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH, sau đó các Phòng ban sẽ chuyển lên Phòng Nhân sự - Hành chính để giải quyết phúc lợi cho CBCNV.

– Lập Danh sách người lao động hưởng trợ cấp BHXH

Sau khi tiếp nhận Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH, Phòng Nhân sự - Hành chính sẽ lập Danh sách người lao động hưởng trợ cấp BHXH và gửi tới Cơ quan bảo hiểm để thanh toán. Cơ quan bảo hiểm sẽ gửi lại cho Phòng Nhân sự- Hành chính Danh sách lao động được hưởng trợ cấp BHXH được duyệt.

- Trường hợp các gv đi bồi dưỡng nghiệp vụ được hưởng theo tiêu chuẩn của nhà nước.

e. Lập thông kê báo cáo

Hàng tháng hoặc cuối năm Bộ phận Kế toán sẽ lập các báo cáo danh sách giáo viên lên lương, giáo viên về hưu, giáo viên hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, giáo viên nghỉ thai sản,... gửi lên Ban giám hiệu nhà trường

3.4. Ma Trận thực thể chức năng.

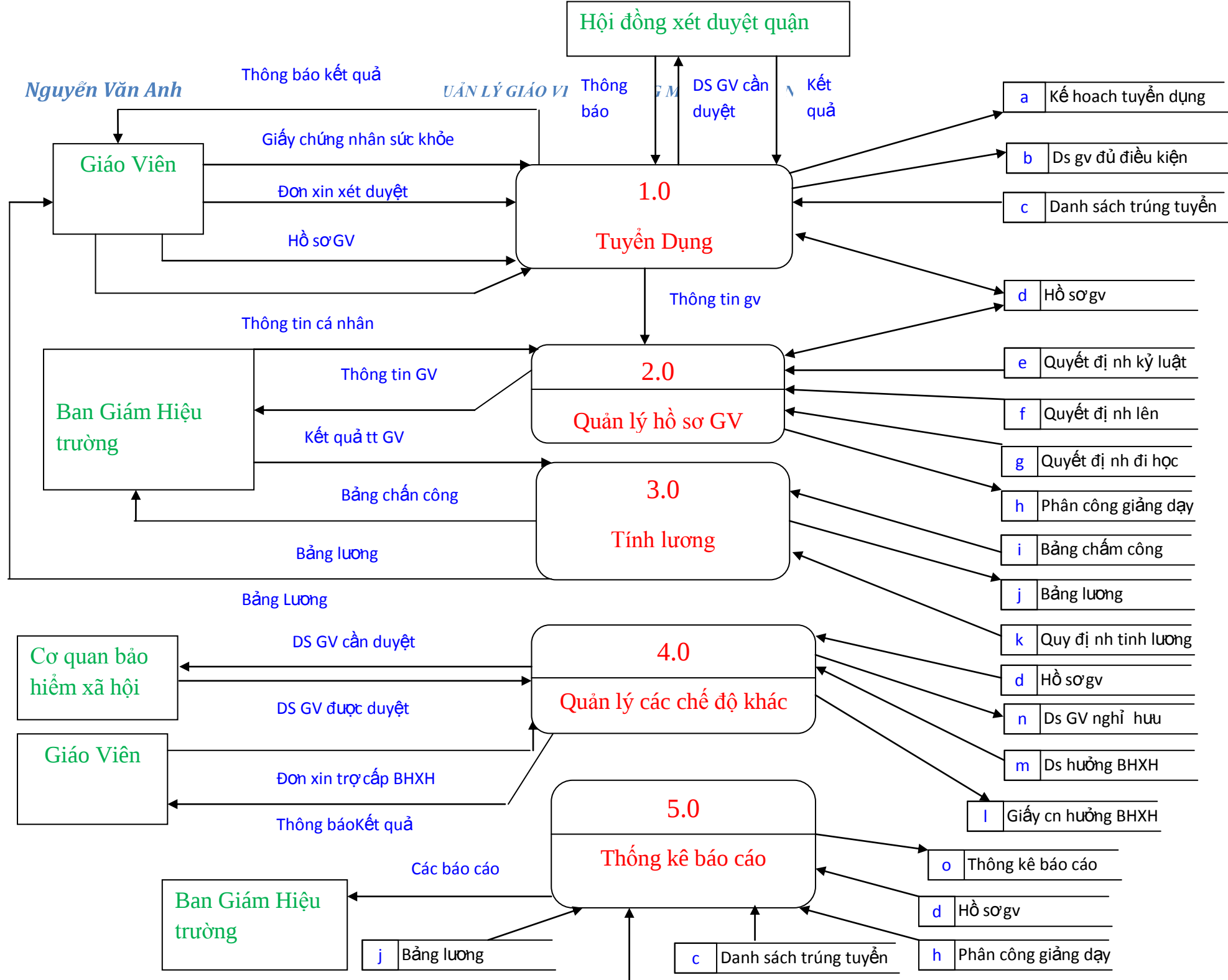
Danh sách hồ sơ sử dụng được ký hiệu:

- a. Kế hoạch tuyển dụng
- b. Danh sách GV đủ Đk
- c. Danh sách trúng tuyển
- d. Hồ sơ giáo viên
- e. Quyết định kỷ luật
- f. Quyết định lên lương
- g. Quyết định đi học
- h. Bảng phân công giảng dạy
- i. Bảng chấm công
- j. Bảng lương
- k. Quy định tính lương
- l. Giấy chứng nhận BHXH
- m. Danh sách hưởng lương BHXH
- n. Danh sách gv nghỉ hưu
- o. Báo cáo

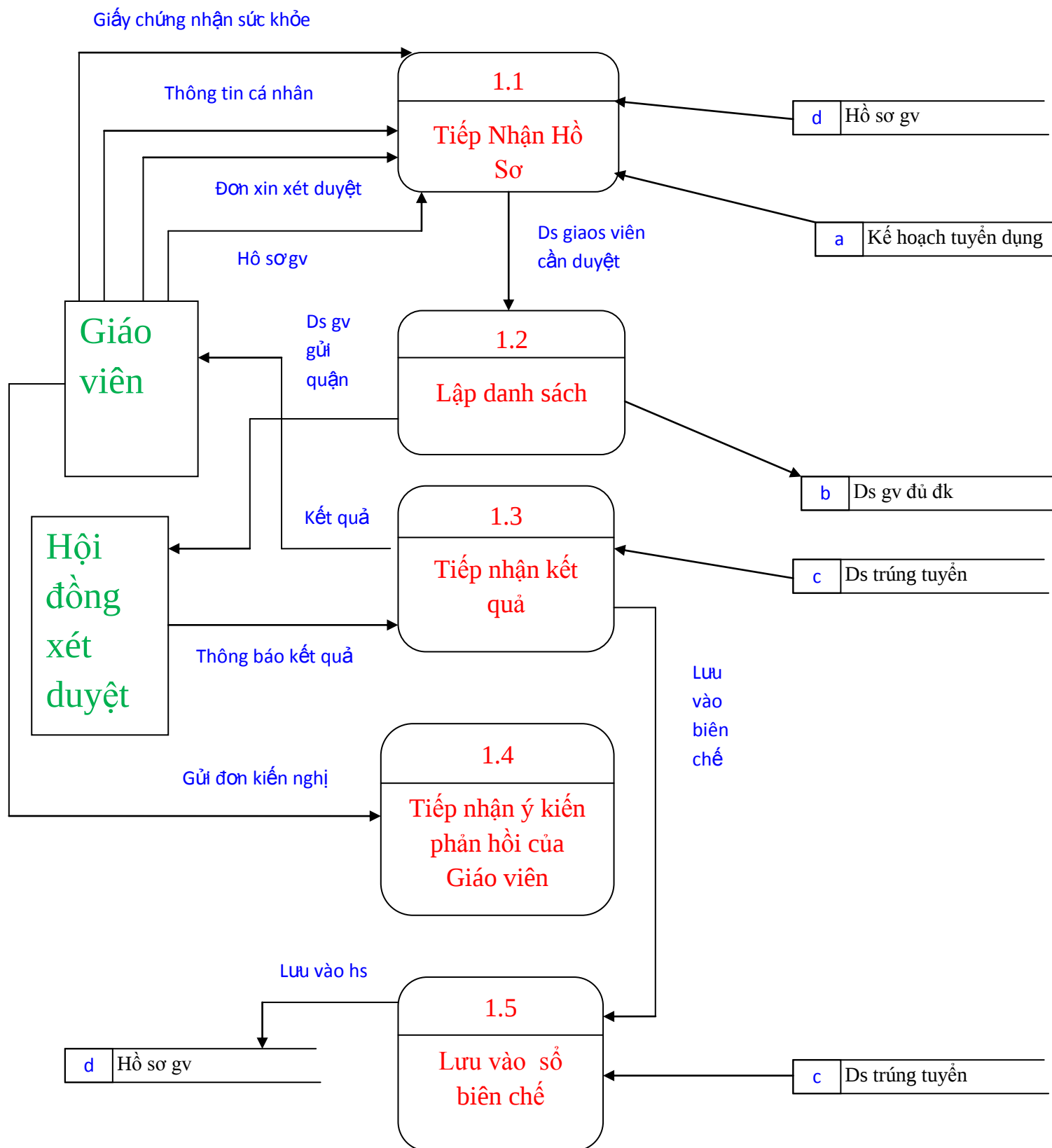
Các thực thể chức năng															
a, Kế hoạch tuyển dụng															
b, Danh sách GV đủ Đk															
c, Danh sách trúng tuyển															
d, Hồ sơ giáo viên															
e, Quyết định kỷ luật															
f, Quyết định lên lương															
g, Quyết định đi học															
h, Bảng phân công giảng dạy															
i, Bảng chấm công															
j: Bảng Lương															
k, Quy định tính lương															
l, Giấy Chứng Nhận BHXH															
m, Danh sách hưởng BHXH															
n, Ds gv nghỉ hưu															
o, Báo cáo															
Các chức năng nghiệp vụ	a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	K	l	m	n	o
1, Tuyển Dụng	R	C	R	U											
2, Quản lý Hồ Sơ				U	R	R	R	C							
3, Tính Lương									R	C	R				
4, Các Chế Độ Khác				U								R	C	C	
5, Thống Kê Báo Cáo				R				R		R			R	R	C

3.5 Sơ đồ luồng dữ liệu

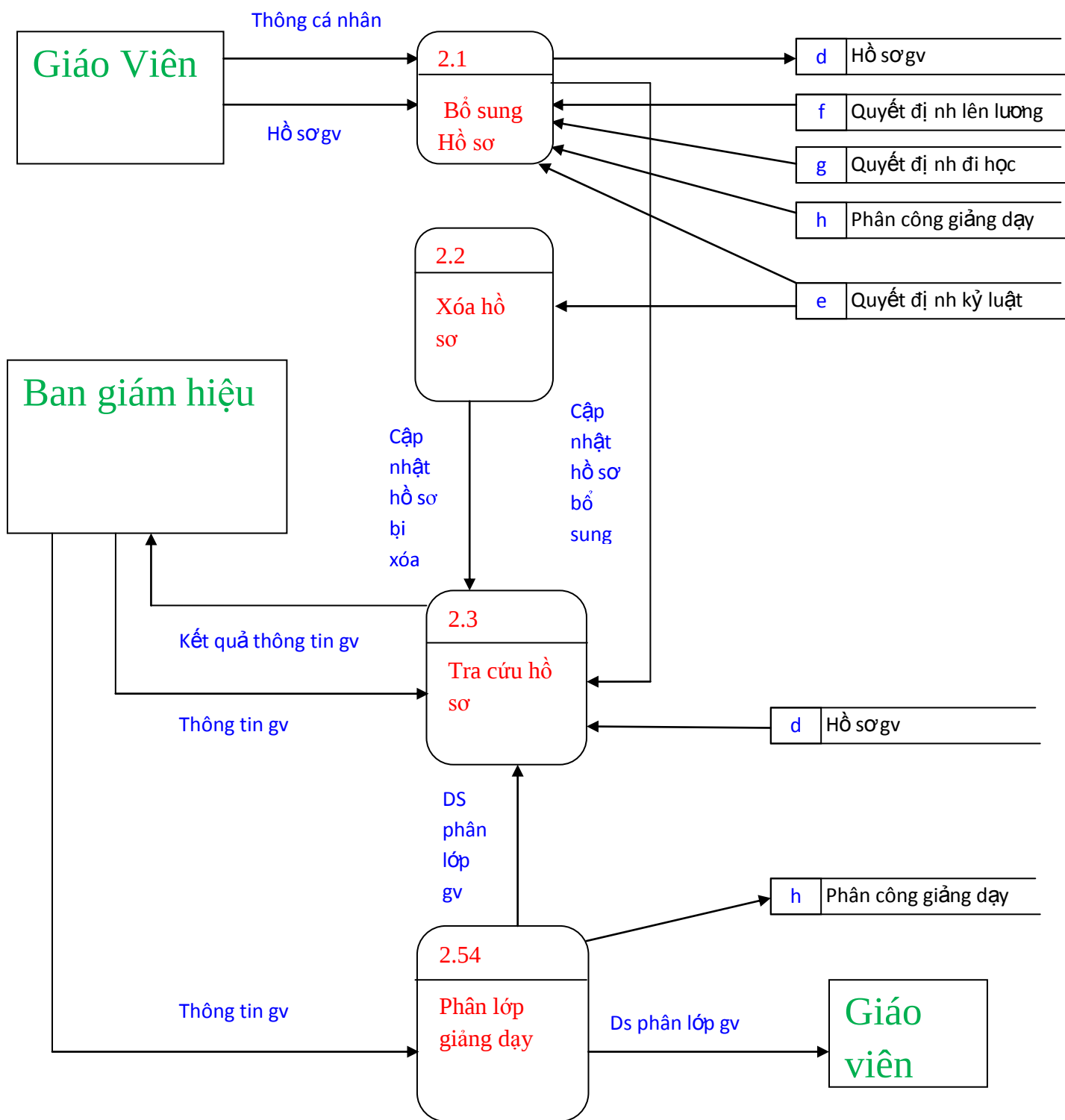
a. Biểu đồ luồng dữ liệu mức 0



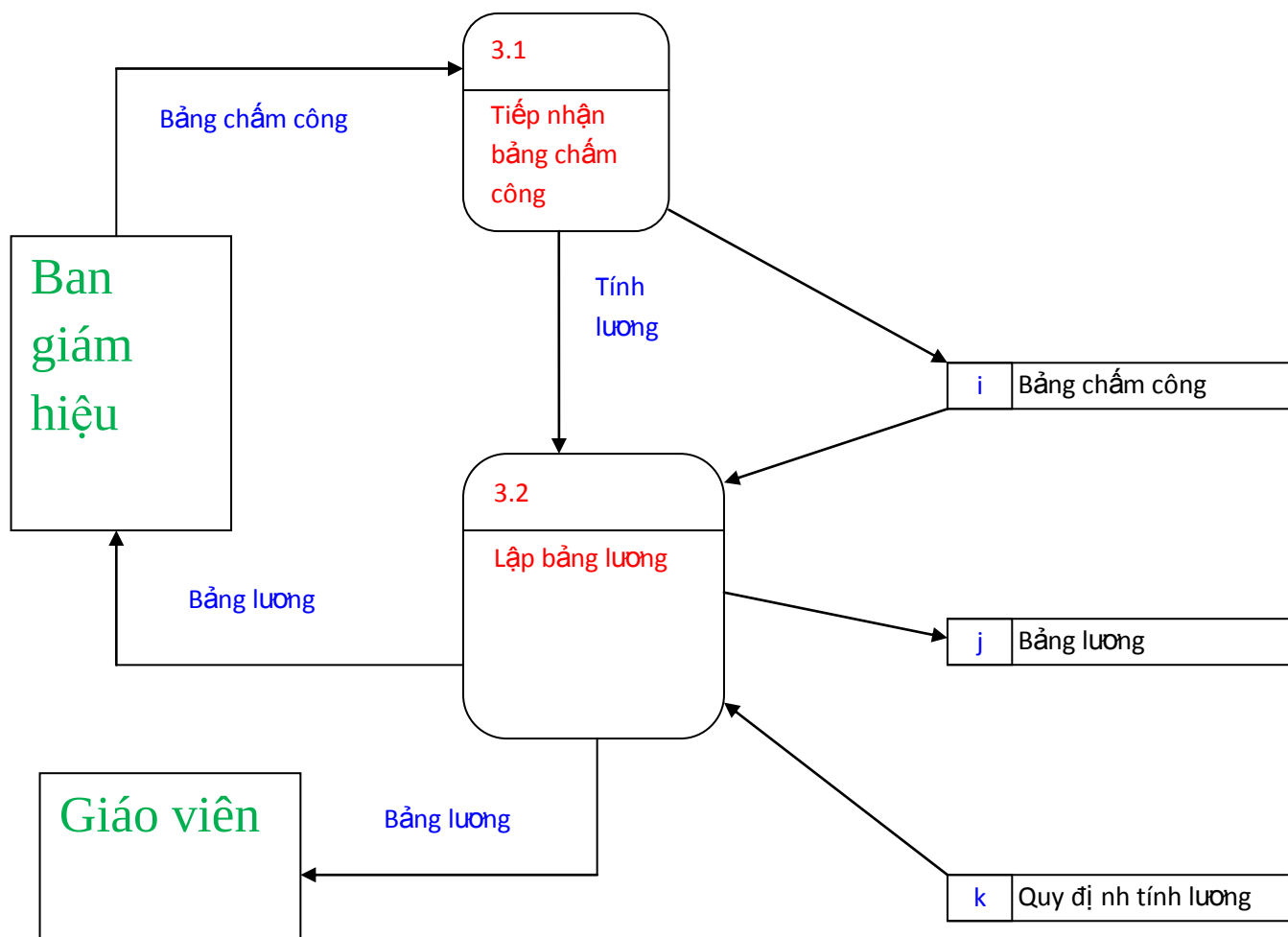
Biểu đồ luồng mức 1 cho quá trình tuyển dụng



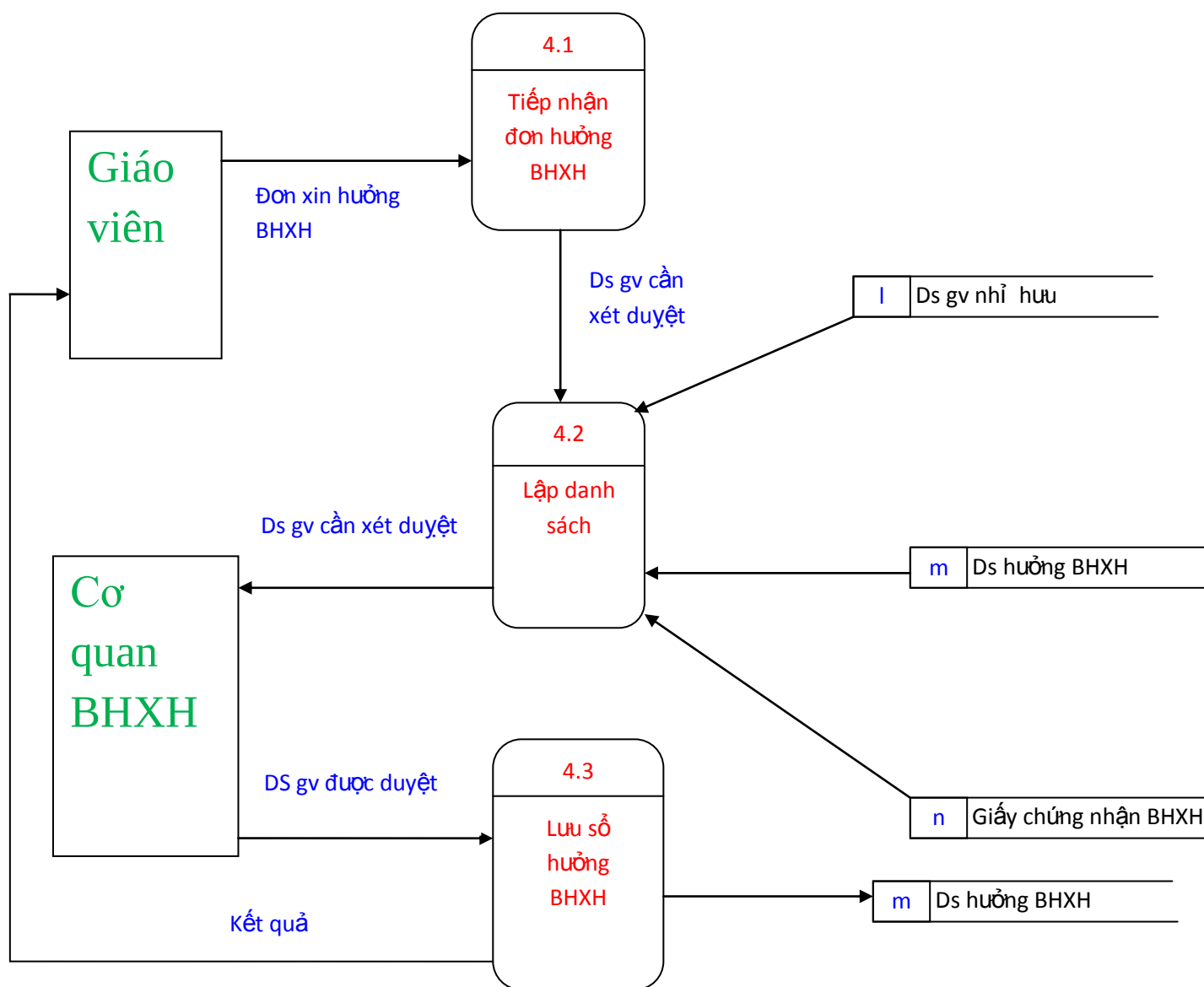
Biểu đồ luồng mức 1 cho quá trình lập quản lý hồ sơ gv



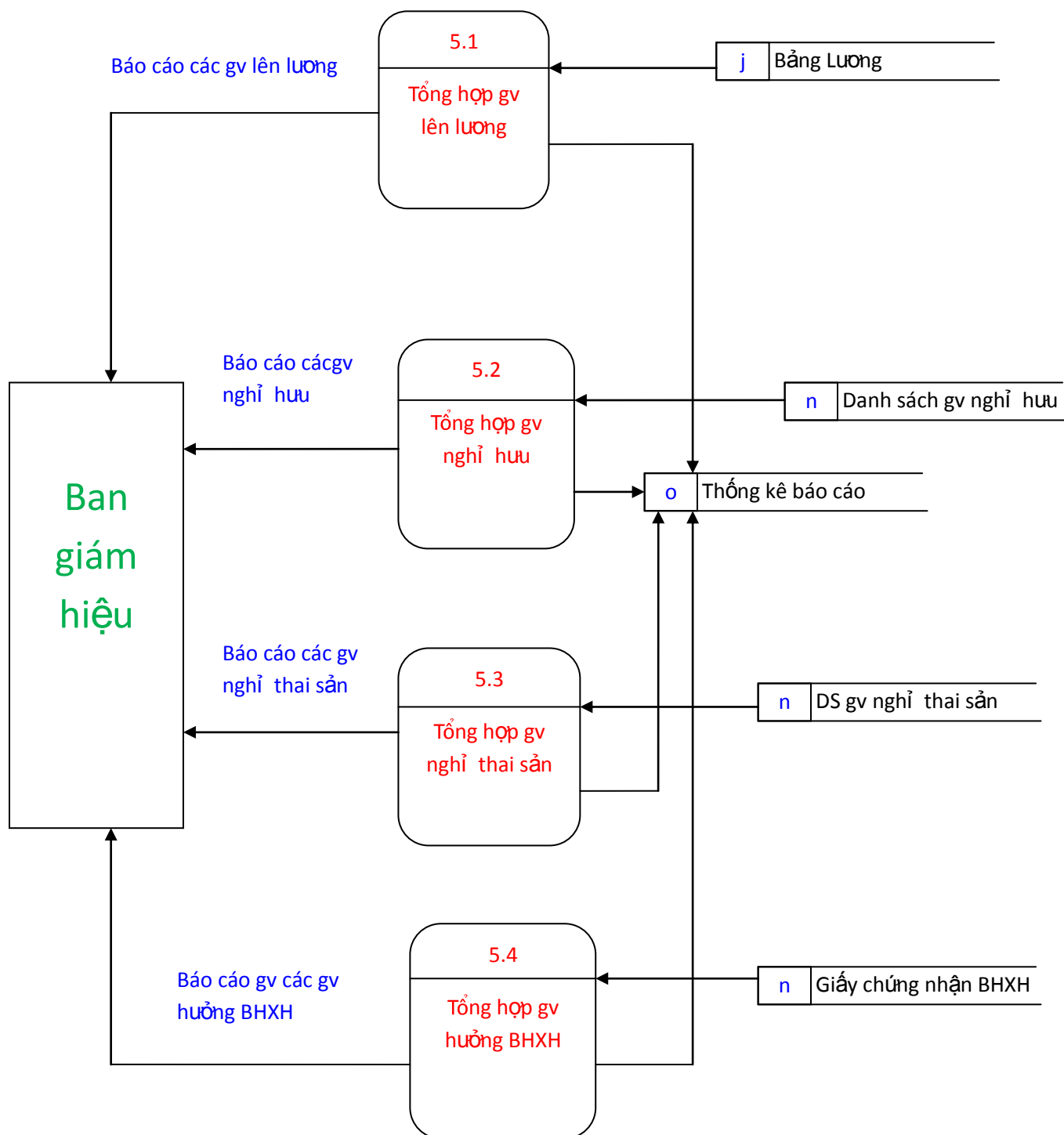
Biểu đồ luồng mức 1 cho quá tính lương



Biểu đồ luồng mức 1 cho quá lập các chế độ khác

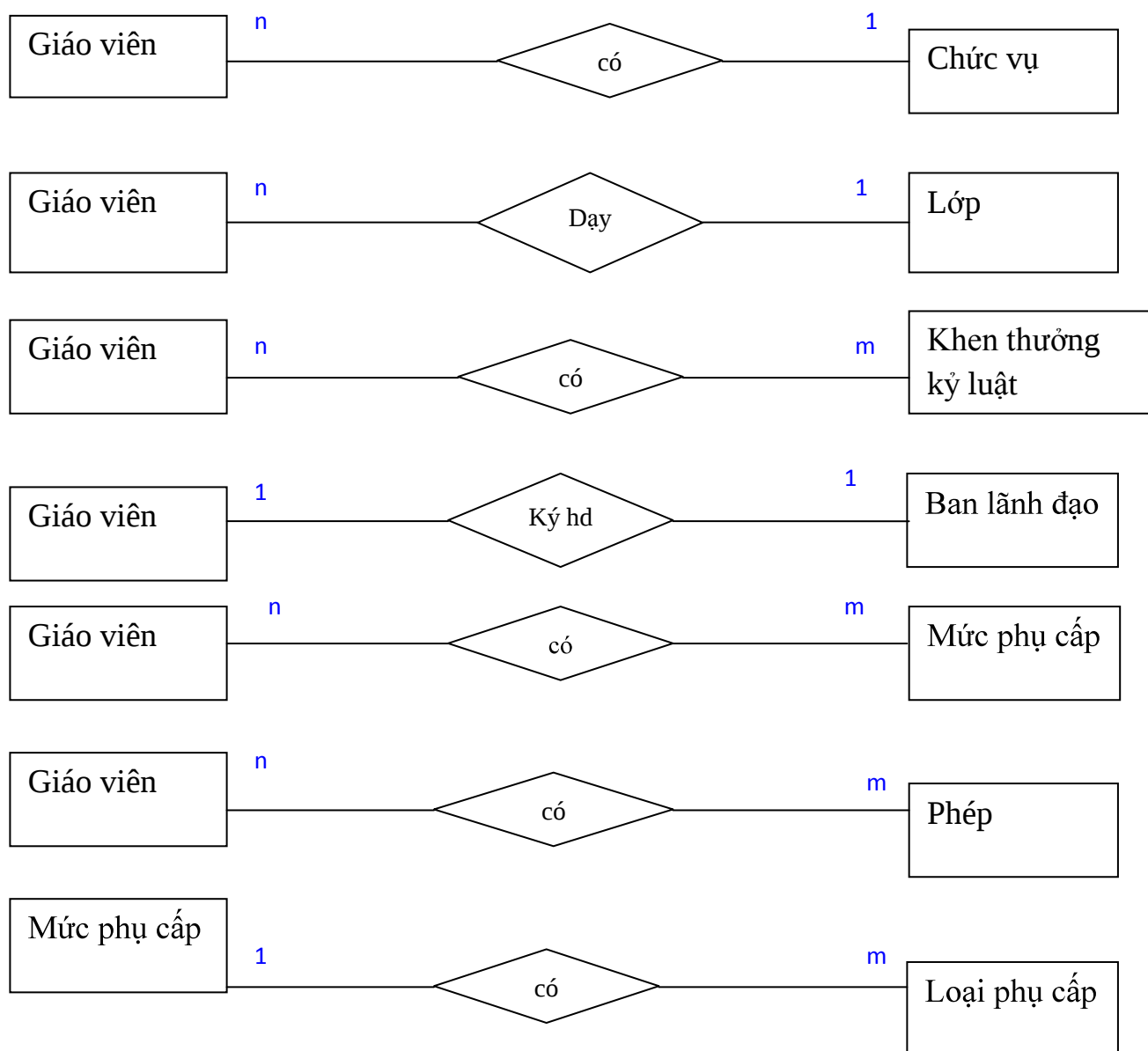


Biểu đồ luồng mức 1 cho quá trình thông kê báo cáo



3.6 Thiết kế cơ sở dữ liệu

a. Xác định các liên kết



3.7 Chuyển từ mô hình ER sang mô hình quan hệ

- Biểu diễn các thực thể

GIÁOVIÊN

GIÁOVIÊN(magv,hoten,ngaysinh,quequan,tongiao,diachi,sodt,scmt,bhxx,suckhoe,trinhdo,ngayvaonganh,mangach,hesoluong,macv)

LOẠI PHỤ CẤP

LOẠI PHỤ CẤP(maloaipc,tenloaipc)

MỨC PHỤ CẤP

MỨC PHỤ CẤP(masopc,teloaiipc)

CHỨC VỤ

CHỨC VỤ(macv,tencv,hesocv)

LỚP

LỚP(malop,tenlop,sophong)

BAN LÃNH ĐẠO

BAN LÃNH ĐẠO(masold,hotenld,chucvu)

KHENTHƯỞNG KỶ LUẬT

KHENTHƯỞNG KỶ LUẬT(maktkl,hinhthuc,thuongphat,ngayapdung)

PHÉP

NGHỈ PHÉP(sohieu,lydo)

TRÌNH ĐỘ

TRÌNH ĐỘ(matd,tentd)

Biểu diễn các mối quan hệ

Các bảng:

GIÁO VIÊN(magv,hoten,ngaysinh,quequan,tongiao,diachi,sodt,socmnd,bhxx,suckhoe,ngayvaonganh,mangach,hesoluong, macv)

CHỨC VỤ

<u>macv</u>	Hesocv	Tencv

LỚP

<u>malop</u>	Tenlop	Sophong

PHÉP

<u>sohieu</u>	lydo

TRÌNH ĐỘ

<u>matd</u>	Tentd

BAN LÃNH ĐẠO

<u>masold</u>	hotenld	Chucvu

MỨC PHỤ CẤP

<u>masopc</u>	hesopc	maloaipc

<u>maloaipc</u>	Tenloaipc

GIÁO VIÊN _ NGHI _ PHEP

Magv	Sohieu	ngaybatdau	ngayketthuc

GAOVIEN_KYHOPDONG_BANLANHDAO

<u>sohd</u>	Masold	Magv	ngaykyhd	loaihd	dieukhoan	diadiemkyhd

GIÁO VIÊN _ PHÂN CÔNG _ LỚP

Magv	Malop	nam

GIAOVIEN_CO_TRINHDO

Magv	Namcapbang	noidt	matd

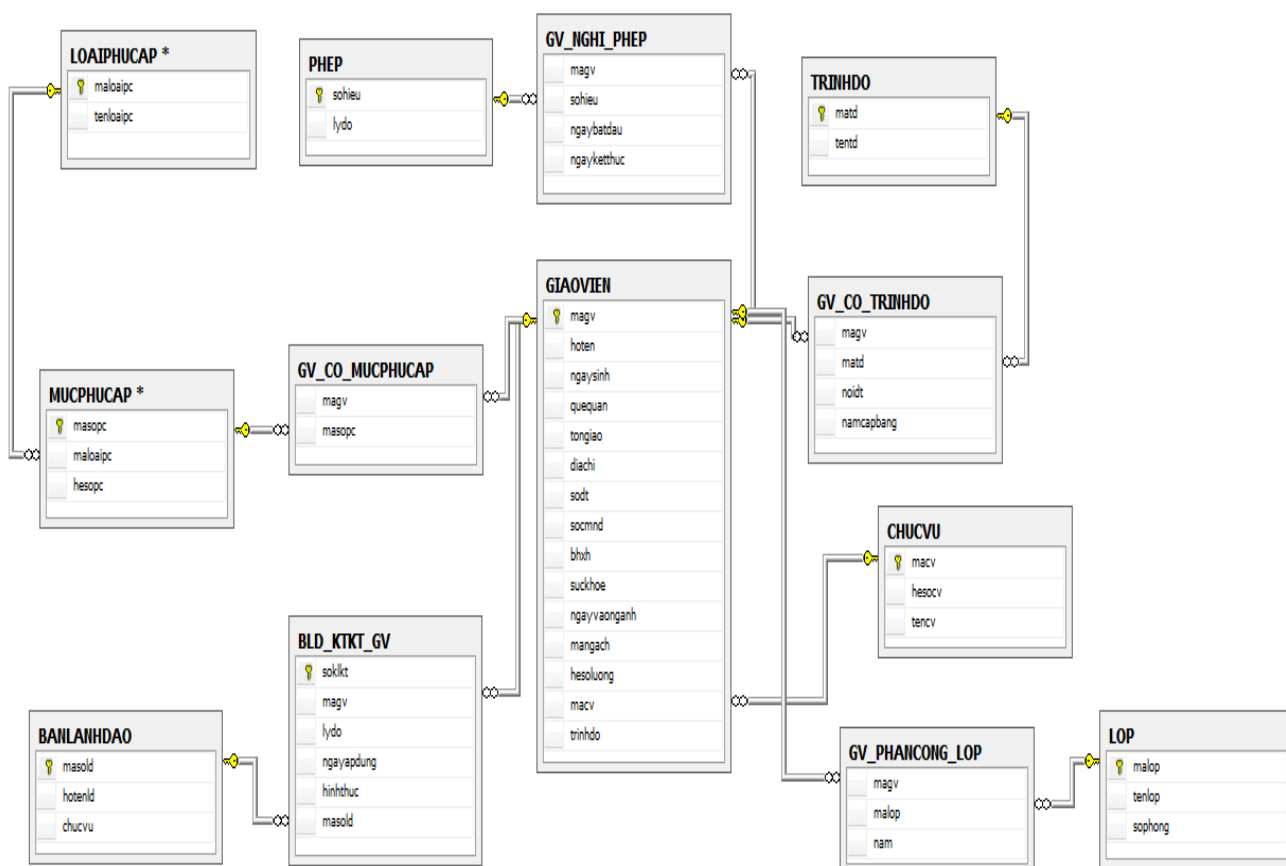
GIAOVIEN_CO_MUCPHUCAP

Magv	masopc

BANLANHDAO_KYLUATKHENTHUONG_GAOVIEN

<u>soklkt</u>	Magv	Lydo	ngayapdung	hinhtthuc	masold

Mô hình quan hệ



Chương 4: CHƯƠNG TRÌNH THỰC NGHIỆM

4.1 Giới thiệu VB

Visual Basic là một ngôn ngữ lập trình hướng sự kiện và môi trường phát triển tích hợp kết bó được phát triển đầu tiên bởi Alan Cooper dưới tên Dự án Ruby, và sau đó được Microsoft mua và cải tiến nhiều. Visual Basic đã được thay thế bằng Visual Basic.NET. Phiên bản cũ của Visual Basic bắt nguồn phần lớn từ BASIC và để lập trình viên phát triển các giao diện người dùng đồ họa theo mô hình phát triển ứng dụng nhanh, truy cập các cơ sở dữ liệu dùng DAO, RDO, hay ADO, và lập các điều khiển và đối tượng ActiveX. Một lập trình viên có thể phát triển ứng dụng dùng các thành phần có sẵn trong Visual Basic. Các chương trình bằng Visual Basic cũng có thể sử dụng Windows API, nhưng làm vậy thì phải sử dụng các khai báo hàm bên ngoài. Trong lĩnh vực lập trình thương mại, Visual Basic có một trong những nhóm khách hàng lớn nhất. Theo một số nguồn, vào năm 2003, 52% của những lập trình viên sử dụng Visual Basic, làm nó thành ngôn ngữ lập trình phổ biến nhất vào lúc đó. Tuy nhiên, cuộc nghiên cứu của Evans Data cho rằng 43% của các lập trình viên đó có ý định đổi qua một ngôn ngữ khác. Microsoft Visual Studio là một môi trường phát triển tích hợp (IDE) từ Microsoft. Nó được sử dụng để phát triển chương trình máy tính cho Microsoft Windows, cũng như các trang web, các ứng dụng web và các dịch vụ web. Visual Studio sử dụng nền tảng phát triển phần mềm của Microsoft như Windows API, Windows Forms, Windows Presentation Foundation, Windows Store và Microsoft Silverlight. Nó có thể sản xuất cả hai ngôn ngữ máy và mã số quản lý. Visual Studio bao gồm một trình soạn thảo mã hỗ trợ IntelliSense cũng như cải tiến mã nguồn. Trình gỡ lỗi tích hợp hoạt động cả về trình gỡ lỗi mức độ mã nguồn và gỡ lỗi mức độ máy. Công cụ tích hợp khác bao gồm một mẫu thiết kế các hình thức xây dựng giao diện ứng dụng, thiết kế web, thiết kế lớp và thiết kế giản đồ cơ sở dữ liệu. Nó chấp nhận các plug-in nâng cao các chức năng ở hầu hết các cấp bao gồm thêm hỗ trợ cho các hệ thống quản lý phiên bản (như Subversion) và bổ sung thêm bộ công cụ mới như biên tập và thiết kế trực quan cho các miền ngôn ngữ cụ thể hoặc bộ công cụ dành cho các khía cạnh khác trong quy trình phát triển phần mềm. Visual Studio hỗ trợ nhiều ngôn ngữ lập trình khác nhau và cho phép trình biên tập mã và gỡ lỗi để hỗ trợ (mức độ khác nhau) hầu như mọi ngôn ngữ lập trình. Các ngôn ngữ tích hợp gồm

có C, C++ và C++/CLI (thông qua Visual C++), VB.NET, C# (thông qua Visual C#) và F# (thông qua Visual Studio 2010[2]). Hỗ trợ cho các ngôn ngữ khác như J++/J#, Python và Ruby thông qua dịch vụ cài đặt riêng rẽ. Nó cũng hỗ trợ XML/XSLT, HTML/XHTML, JavaScript và CSS.

4.2. Một số giao diện nhập dữ liệu

a. Cập nhật danh mục chức vụ

Mã Chức vụ	Hệ số chức vụ	Tên chức vụ
lv	0	Bảo vệ
gv	0.35	Giáo viên
hp	0.4	Hiệu phó
HT	0.5	Hiệu trưởng
tpcm	0.2	Tổ phó chuyên môn

b. Cập nhật danh sách lớp học

Mã lớp	Tên lớp	Số phòng
3ta	3 Tuổi lớp A	2
3tb	3 Tuổi lớp B	3
3tc	3 Tuổi lớp C	4
4ta	4 Tuổi lớp A	5
4tb	4 Tuổi lớp B	6

c. Cập nhật loại phụ cấp

Loại phụ cấp

Mã loại phụ cấp :

Tên loại phụ cấp :

	Mã loại phụ cấp	Tên loại phụ cấp
▶	pc1	Phụ cấp thâm niên vượt khung
	pc2	Phụ cấp ưu đãi n...
	pc3	Phụ cấp thâm niên...
*		

d. Cập nhật mức phụ cấp

Cập nhật Mức phụ cấp

Mã số phụ cấp :

Loại phụ cấp :

Hệ số phụ cấp :

	Mã số phụ cấp	Mã loại phụ cấp	Hệ số phụ cấp
▶	p1	pc1	0.12
	p10	pc3	0.35
	p11	pc3	0.26
	p12	pc3	0.28
	p13	pc3	0.27

e. Cập nhật trình độ giáo viên

Thông tin trình độ của giáo viên

Mã trình độ :

Tên trình độ :

	matd	tenTd
▶	cd	Cao đẳng ...
	dh	Đại học ...
	tc	Trung cấp ...
*		

f. Cập nhật danh sách Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo

Mã số lãnh đạo :

Họ tên lãnh đạo :

Chức vụ :

	Mã số lãnh đạo	Họ tên lãnh đạo	Chức vụ
▶	A1	Trần Thị Khương ...	Hiệu trưởng
	A2	Nguyễn Thị Huệ ...	Hiệu phó
	A3	Phạm Thị Mai ...	Hiệu phó
	A4	Nguyễn Thị Thà ...	Tổ trưởng chuyên
	A5	Vũ Thị Xuân ...	Tổ phó chuyên m
	A6	Nguyễn Thị Huệ ...	Tổ trưởng chuyên

g. Cập nhật các loại nghỉ phép

Cập nhật các loại phép

Số hiệu:

Lý do:

	Số Hiệu	Lý do
▶	h1	Ôm ...
	h2	Thai sản ...
	h3	Tai nạn ...
*		

h. cập nhật thông tin giáo viên

Cập nhật thông tin giáo viên

1 of 32

Mã giáo viên:

Họ tên:

Ngày sinh:

Quê quán:

Tôn giáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số cmdt:

Bảo hiểm xã hội:

Sức khỏe:

Ngày vào ngành:

Mã ngạch:

Hệ số lương:

Mã chức vụ:

Tình độ:

Mã giáo viên	Họ tên	Ngày sinh	Quê quán	Tôn giáo	Địa chỉ	Số điện thoại	Số cmdt	BHXH	Sức khỏe	Tình độ	Ngày vào ngành	Mã ngạch
bv1	Nguyễn Văn Tiến...	11/8/1975	Hải Phòng ...	Không				Có	Tốt	12/12	11/12/2000	01011
gv1	Trần Thị Khương ...	11/6/1980	Hải Phòng ...	Không				Có	Tốt	Cao đẳng	11/29/2000	15a205
gv10	Nguyễn Thị Xinh ...	11/5/1970	Hải Phòng ...	Không				Có	Tốt	Cao đẳng	1/12/2000	15a206
gv11	Lê Thị Hằng ...	11/11/1970	Hải Phòng ...	Không				Có	Tốt	Trung cấp	2/12/2000	15115

i. Giáo viên ký hợp đồng với ban lãnh đạo

Giáo viên ký hợp đồng với ban lãnh đạo

1 of 23

Số hợp đồng:

Họ tên lãnh đạo:

Giáo viên:

Ngày ký hợp đồng:

Loại hợp đồng:

Điều khoản:

Địa điểm ký hợp đồng:

Số hợp đồng	Mã số lãnh đạo	Mã giáo viên	Ngày ký hợp đồng	Loại hợp đồng	Điều khoản	Địa điểm ký
hd1	A1	bv1	11/10/2000	Có thời hạn	Điều 1 đến Điều 5...	Trường Mầm non
hd10	A1	gv25	8/10/2000	Không thời hạn	Điều 1 đến Điều 5...	Trường Mầm non
hd11	A1	gv26	10/10/2000	Có thời hạn	Điều 1 đến Điều 5...	Trường Mầm non
hd12	A1	gv19	10/9/2000	Có thời hạn	Điều 1 đến Điều 5...	Trường Mầm non

j. Quản lý giáo viên nghỉ phép

Quản lý giáo viên nghỉ phép

1 of 7

Giáo viên :

Lý do :

Ngày bắt đầu :

Ngày kết thúc :

Mã giáo viên	Số hiệu	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
gv16	h1	11/1/2014	11/9/2014
gv11	h1	11/9/2014	11/10/2014
bv1	h1	11/10/2014	11/11/2014
gv14	h2	11/5/2014	11/10/2014
gv16	h1	11/10/2014	11/11/2014

k. Cập nhật danh sách khen thưởng kỷ luật

Cập nhật khen thưởng kỷ luật

1 of 5

Số khen thưởng kỷ luật :

Giáo viên :

Lý do :

Ngày áp dụng :

Hình thức KTKL :

Tên người ký quyết định KTKL :

Mã số KTKL	Mã giáo viên	Lý do	Ngày áp dụng	Hình thức	Mã số lãnh đạo
s1	gv11	Giảng dạy tốt	11/10/2014	Thưởng bằng kh...	A1
s2	gv16	Nghỉ quá quy địn...	11/1/2014	Giảm lương cuối t...	A1
s3	gv21	Giảng dạy tốt	11/9/2014	Tăng lương	A1
s4	gv10	Sức khỏe yếu	11/9/2014	Chuyển xuống bệ...	A1

l. Phân công giảng dạy

Phân công giáo viên giảng dạy

1 of 12

Giáo viên :

Tên lớp :

Ngày nhận lớp :

Mã giáo viên	Mã lớp	Ngày nhận lớp
gv11	5ta	12/10/2014
gv10	3ta	11/10/2014
gv12	5ta	10/10/2014
gv9	4tb	11/10/2014
gv6	3tc	9/10/2014
gv7	4ta	10/11/2014
gv8	4ta	11/11/2014

m. cập nhật trình độ giáo viên

Cập nhật trình độ của giáo viên

Xem đầu Xem trước 1 of 27 Xem sau Xem cuối Thêm mới Xóa Lưu

Giáo viên :

Trình độ :

Nơi đào tạo :

Ngày cấp bằng :

	Mã giáo viên	Mã trình độ	Nơi đào tạo	Ngày cấp bằng
▶	gv9	dh	Trường đại học s...	9/10/2000
	gv10	dh	Trường đại học s...	8/9/2000
	gv1	cd	Trường cao đẳng...	8/9/2000
	gv2	cd	Trường cao đẳng...	9/9/2000

n. Phụ cấp giáo viên

Phụ cấp giáo viên

Xem đầu Xem trước 1 of 3 Xem sau Xem cuối Thêm mới Xóa Lưu

Giáo viên :

Hệ số :

	Mã giáo viên	Mã số phụ cấp
▶	gv15	p20
	gv21	p20
	gv24	p20
*		

4.3, Một số giao diện tra cứu

a. Tìm kiếm thông tin giảng dạy của giáo viên

Tim kiếm thông tin giảng dạy của giáo viên

Chọn lớp cần tìm:

Tim kiếm theo trình độ:

Tim theo tên giáo viên:

	Mã giáo viên	Họ tên	Ngày sinh	Mã trình độ	Tên trình độ	Nơi đào tạo	Năm cấp bằng	Ngày
▶	gv9	Dương Thị Lai ...	11/5/1975	dh	Đại học ...	Trường đại học s...	9/10/2000	11/10
	gv10	Nguyễn Thị Xinh ...	11/5/1970	dh	Đại học ...	Trường đại học s...	8/9/2000	11/10
	gv10	Nguyễn Thị Xinh ...	11/5/1970	dh	Đại học ...	Trường đại học s...	8/9/2000	11/10
	gv2	Nguyễn Thị Huế...	11/12/1980	cd	Cao đẳng ...	Trường cao đẳng...	9/9/2000	11/10
	gv3	Phạm Thanh Mai...	10/15/1981	cd	Cao đẳng ...	Trường cao đẳng...	10/9/2000	9/10
	gv5	Vũ Thị Xuân ...	11/15/1975	dh	Đại học ...	Trường đại học s...	8/9/2000	9/11
	gv6	Nguyễn Thị Huệ ...	11/2/1980	dh	Đại học ...	Trường đại học s...	8/10/2000	9/10

a. Theo dõi việc nghỉ phép của giáo viên

Theo dõi việc nghỉ phép của giáo viên

Chọn giáo viên cần tìm:

	Mã giáo viên	Họ tên	Ngày sinh	Quê quán	Tôn giáo	Địa chỉ	Số điện thoại	Số cmnd
▶	gv16	Phạm Thúy Hằng...	11/12/1974	Hải Phòng ...	Không			
	gv11	Lê Thị Hằng ...	11/11/1970	Hải Phòng ...	Không			
	bv1	Nguyễn Văn Tiến...	11/8/1975	Hải Phòng ...	Không			
	gv14	Đỗ Thị Nga ...	11/12/1970	Hải Phòng ...	Không			

b. Theo dõi việc kỷ luật khen thưởng của giáo viên

Theo dõi việc kỷ luật khen thưởng giáo viên

Chọn giáo viên cần tìm:

Số KLKT	Mã giáo viên	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số lương	Ngày vào ngành	Tính độ
s1	gv11	Lê Thị Hằng ...	11/11/1970	4.06	2/12/2000	Trung cấp
s2	gv16	Phạm Thủy Hằng...	11/12/1974	3.66	6/10/2001	Đại học
s3	gv21	Nguyễn Thị Hê ...	12/3/1976	3.66	11/11/2000	Trung cấp
s4	gv10	Nguyễn Thị Xinh ...	11/5/1970	4.27	1/12/2000	Cao đẳng

c. Tìm kiếm theo chức vụ

Tìm kiếm theo chức vụ

Chọn chức vụ cần tìm:

Mã giáo viên	Họ tên	Ngày sinh	Quê quán	Tôn giáo	Địa chỉ	Số DT	Số cmnd	BHXXH	S
gv1	Nguyễn Văn Tiến...	11/8/1975	Hải Phòng ...	Không				Có	Tr
gv1	Trần Thị Khương ...	11/6/1980	Hải Phòng ...	Không				Có	Tr
gv10	Nguyễn Thị Xinh ...	11/5/1970	Hải Phòng ...	Không				Có	Tr
gv11	Lê Thị Hằng ...	11/11/1970	Hải Phòng ...	Không				Có	Tr

4.4, Một số giao diện thông kê báo cáo.

a. In bảng lương

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN HỒNG BANG
TRƯỜNG MẦM NON QUẢN TOÀN

12/2/2014

BẢNG TÍNH LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP

Số TT	Họ tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số cv	Thành tiền	Tiền phụ cấp cv	Tổng lương và phụ cấp	Trừ 10,5% BHXH	Thực lĩnh	Ký nhận
1	Nguyễn Văn Tiến	01011	3	0	4,002,000	0	4,002,000	420,210	3,581,790	
2	Trần Thị Khương	15a205	4	1	4,554,000	575,000	5,129,000	478,170	4,650,830	
3	Nguyễn Thị Xinh	15a206	4	0	4,910,500	402,500	5,313,000	515,602	4,797,397	
4	Lê Thị Hằng	15115	4	0	4,669,000	402,500	5,071,500	490,245	4,581,255	
5	Lê Thị Bích Xan	15a206	5	0	5,267,000	402,500	5,669,500	553,035	5,116,465	
6	Khúc Thị Dệt	15a206	4	0	4,554,000	402,500	4,956,500	478,170	4,478,330	
7	Đỗ Thị Nga	15115	4	0	4,209,000	402,500	4,611,500	441,945	4,169,555	
8	Lương Thị Thủy	15a206	4	0	4,554,000	402,500	4,956,500	478,170	4,478,330	
9	Phạm Thủy Hằng	15a205	4	0	4,209,000	402,500	4,611,500	441,945	4,169,555	
10	Nguyễn Thị Xoan	15115	4	0	4,209,000	402,500	4,611,500	441,945	4,169,555	
11	Phạm Thị Thu H	15a206	4	0	4,197,500	402,500	4,600,000	440,738	4,159,263	
12	Nguyễn Thị Diệp	15a206	4	0	4,197,500	402,500	4,600,000	440,738	4,159,263	
13	Nguyễn Thị Hươ	15a205	3	0	3,070,500	460,000	3,530,500	322,403	3,208,098	
14	Nguyễn Ngọc La	15a206	4	0	4,197,500	402,500	4,600,000	440,738	4,159,263	

Current Page No.: 1 Total Page No.: 1+ Zoom Factor: 100% 3:16 PM 12/2/2014

b. In bảng chức vụ

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN HỒNG BANG
TRƯỜNG MẦM NON QUẢN TOÀN

12/2/2014

BẢNG CHỨC VỤ

TT	Họ và tên	Tên chức vụ	Ngày vào ngành	Mã ngạch	Hệ số lương	Trình độ	Sức khỏe
1	Nguyễn Văn Tiến	Bảo vệ	11/12/2000	01011	3.48	12/12	Tốt
2	Trần Thị Khương	Hiệu trưởng	11/29/2000	15a205	3.96	Cao đẳng	Tốt
3	Nguyễn Thị Xinh	Giáo viên	01/12/2000	15a206	4.27	Cao đẳng	Tốt
4	Lê Thị Hằng	Giáo viên	02/12/2000	15115	4.06	Trung cấp	Tốt
5	Lê Thị Bích Xanh	Giáo viên	05/01/2000	15a206	4.58	Cao đẳng	Tốt
6	Khúc Thị Dệt	Giáo viên	05/11/2000	15a206	3.96	Cao đẳng	Tốt
7	Đỗ Thị Nga	Giáo viên	11/12/2001	15115	3.66	Trung cấp	Tốt
8	Lương Thị Thủy	Giáo viên	11/11/2001	15a206	3.96	Cao đẳng	Tốt
9	Phạm Thủy Hằng	Giáo viên	06/10/2001	15a205	3.66	Đại học	Tốt
10	Nguyễn Thị Xoan	Giáo viên	06/11/2001	15115	3.66	Trung cấp	Tốt
11	Phạm Thị Thu Huyền	Giáo viên	06/10/2001	15a206	3.65	Cao đẳng	Tốt
12	Nguyễn Thị Diệp	Giáo viên	06/09/2001	15a206	3.65	Cao đẳng	Tốt
13	Nguyễn Thị Hương	Hiệu phó	11/13/2000	15a205	2.67	Cao đẳng	Tốt

Current Page No.: 1 Total Page No.: 1+ Zoom Factor: 100% 3:17 PM 12/2/2014

c. In bảng kỷ luật

Bảng kỷ luật khen thưởng

Main Report

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN HỒNG BÀNG
TRƯỜNG MẦM NON QUẢN TOÀN

BẢNG KHEN THƯỞNG KỶ LUẬT

12/2/2014

Số TT	Họ và tên	Trình độ	Lý do	Ngày áp dụng	Hình thức	Họ tên lãnh đạo
1	Lê Thị Hằng	Trung cấp	Giảng dạy	11/10/2014 12:00	Thưởng bằng khen	Trần Thị Khương
2	Phạm Thuý Hằng	Đại học	Nghỉ quá	11/1/2014 12:00	Giảm lương cuối th	Trần Thị Khương
3	Nguyễn Thị Hè	Trung cấp	Giảng dạy	11/9/2014 12:00	Tăng lương	Trần Thị Khương
4	Nguyễn Thị Xinh	Cao đẳng	Sức khỏe	11/9/2014 12:00	Chuyển xuống bếp	Trần Thị Khương
5	Nguyễn Ngọc La	Cao đẳng	Sức khỏe	11/9/2014 12:00	Chuyển xuống bếp	Trần Thị Khương

Current Page No.: 1 Total Page No.: 1 Zoom Factor: 100%

3:17 PM
12/2/2014

d. In danh sách giáo viên nghỉ phép

Bảng ghi phép

Main Report

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN HỒNG BÀNG
TRƯỜNG MẦM NON QUẢN TOÀN

BẢN THEO DÕI NGHỈ PHÉP

12/3/2014

Số TT	Họ tên	BHXX	Số hiệu	Lý do	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số ngày nghỉ
1	Phạm Thuý Hằng	Có	h1	Ốm	11/1/2014 12:00:00	11/9/2014 12:00:00	8
2	Lê Thị Hằng	Có	h1	Ốm	11/9/2014 12:00:00	11/10/2014 12:00:00	1
3	Nguyễn Văn Tiến	Có	h1	Ốm	11/10/2014 12:00:00	11/11/2014 12:00:00	1
4	Đỗ Thị Nga	Có	h2	Thai sản	11/5/2014 12:00:00	11/10/2014 12:00:00	5
5	Phạm Thuý Hằng	Có	h1	Ốm	11/10/2014 12:00:00	11/11/2014 12:00:00	1
6	Nguyễn Thị Diệp	Có	h2	Thai sản	11/10/2014 12:00:00	11/11/2014 12:00:00	1
7	Nguyễn Thị Hè	Có	h1	Ốm	11/9/2014 12:00:00	11/10/2014 12:00:00	1

Current Page No.: 1 Total Page No.: 1 Zoom Factor: 100%

12:39 AM
12/3/2014

e. In bảng phân công giáo viên theo lớp

In bảng phân công giáo viên theo lớp

Main Report

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN HỒNG BANG
TRƯỜNG MẦM NON QUẢN TOÀN

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

12/3/2014

Số TT	Họ tên	Tên trình độ	Tên lớp	Số phòng
1	Dương Thị Lại	Đại học	4 Tuổi lớp B	6
2	Nguyễn Thị Xinh	Đại học	3 Tuổi lớp A	2
3	Nguyễn Thị Xinh	Đại học	4 Tuổi lớp B	6
4	Nguyễn Thị Hương	Cao đẳng	3 Tuổi lớp A	2
5	Phạm Thanh Mai	Cao đẳng	3 Tuổi lớp B	3
6	Vũ Thị Xuân	Đại học	3 Tuổi lớp C	4
7	Nguyễn Thị Huệ	Đại học	3 Tuổi lớp C	4
8	Lê Thị Cúc	Trung cấp	4 Tuổi lớp A	5
9	Tạ Thị Thêu	Trung cấp	4 Tuổi lớp A	5
10	Lê Thị Bích Xanh	Trung cấp	5 Tuổi lớp A	8
11	Lê Thị Hằng	Trung cấp	5 Tuổi lớp A	8
12	Lương Thị Thủy	Đại học	5 Tuổi lớp C	10

Current Page No.: 1 Total Page No.: 1 Zoom Factor: 100%

12:42 AM
12/3/2014

KẾT LUẬN

Trong đồ án này, em đã vận dụng phương pháp phân tích thiết kế hướng cấu trúc để xây dựng hệ thống hỗ trợ điểm quản lý giáo viên trường mầm non Quán Toan. Kết quả đạt được bao gồm:

➤ Lý thuyết:

- Phát biểu và mô tả được nghiệp vụ bài toán.
- Biểu diễn các nghiệp vụ bài toán bằng các sơ đồ tiến trình nghiệp vụ.
- Phân tích thiết kế bài toán một cách đầy đủ, theo đúng quy trình được học bằng hướng cấu trúc.
- Thiết kế được cơ sở dữ liệu quan hệ để lưu trữ dữ liệu.
- Thiết kế được các giao diện cập nhật dữ liệu và các mẫu báo cáo.

➤ Chương trình:

- Sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL2005-2008
- Sử dụng VB.NET để lập trình.

- Hệ thống đã được cài đặt thử nghiệm với một số dữ liệu chạy thông suốt và cho ra kết quả, đáp ứng được các yêu cầu bài toán đặt Nhập thông tin, tra cứu, thống kê in ấn.

Những vấn đề tồn tại và hướng phát triển

Vì thời gian có hạn, kinh nghiệm thực tế chưa nhiều nên việc phân tích bài toán về cơ bản đã thực hiện tương đối đầy đủ, tuy nhiên chưa thể mô tả đầy đủ mọi khía cạnh của vấn đề. Xây dựng được hệ thống nhưng chỉ với các chức năng chính, có những chức năng còn chưa đầy đủ: có nhiều báo cáo cần thiết, nhưng chỉ lập được một báo cáo. Nhiều chức năng có nhưng chưa tiện dụng, đơn giản.

Sau này có điều kiện, em sẽ bổ sung thêm các chức năng còn thiếu, hoàn thiện các chức năng đã có và đưa vào sử dụng để hoàn thiện tính tiện dụng của hệ thống.

1. Nguyễn Văn Vy, Phân tích thiết kế các hệ thống thông tin hiện đại, hướng cấu trúc – hướng đối tượng, NXB Thống kê, Hà Nội, 2002.
2. <http://www.microsoft.com/vietnam/sqlserver2005/>
3. www.vivosoft.com